Hội thi Tìm hiểu giá trị văn hóa – lịch sử Đồng Nai năm 2018

Thông tin cơ bản của học sinh

1/ Họ và tên: Nguyễn Thị Bình

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 20/12/2003 Nơi sinh: Đồng Nai

Dân tộc: Kinh

Công tác: Là học sinh lớp 10A1 tại trường THPT Trị An

Nơi thường trú: Tổ 2 KP6, Vĩnh An, Vĩnh Cửu, Đồng Nai

Số điện thoại: 0786531327

Email: nguyenthibinhlqd91@Gmail.com

2/ Họ và tên: Nguyễn Hoàng Thuận

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 20/9/2003 Nơi sinh: Đồng Nai

Dân tộc: Kinh

Công tác: Là học sinh lớp 10A1 tại trường THPT Trị An

Nơi thường trú: KP5, Vĩnh An, Vĩnh Cửu, Đồng Nai

Số điện thoại: 0358804356

Email: hoangthuan2092003@gmail.com

Mục lục

Lời cảm ơn:.....1

Câu hỏi 1:

Những thay đổi về địa giới hành chính tỉnh Đồng Nai từ năm 1976 đến nay**:** 2
Nguồn gốc địa danh Đồng Nai:.....7

Câu hỏi 2: Những chiến công tiêu biểu của quân dân Biên Hòa - Đồng Nai trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954), chống Mỹ (1954-1975)

* Cách mạng tháng Tám 1945 ở Biên Hòa:.....11

* Kháng chiến chống thực dân Pháp lần II:.....13

1. Trại huấn luyện du kích Vĩnh Cửu.:.....13

2. Trận tập kích đầu tiên vào tỉnh lỵ Biên Hòa (2-1- 1946):.....14

3. Trận La Ngà (1-3-1948):.....16

4. Biên Hòa, nơi sản sinh cách đánh đặc công:.....18

5. Chiến khu Đ còn - Sài Gòn mất:.....20

* KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC

1. Cuộc nổi dậy phá khám Tân Hiệp:.....22

2. Trận đầu diệt Mỹ:.....24

3. Trận đánh đầu tiên vào sân bay Biên Hòa:.....26

4. Đặc công đánh căn cứ, kho tàng Mỹ ngụy ở Biên Hòa:.....27

+ Đánh kho Long Bình:..... 27

+ Tấn công kho Thành Tuy Hạ và đánh tàu trên sông Lòng Tàu:.....30

5. Tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968:.....31

6. Chiến dịch Xuân Lộc đập tan cánh cửa thép của Mỹ ngụy:.....33

7. Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam và tỉnh Đồng Nai. 35

Cảm nhận:.....38

Phát huy truyền thống:.....40

Tài liệu tham khảo:.....42

Lời cảm ơn

Trên thực tế không có bất kỳ thành công nào mà không gắn liền với sự hỗ trợ dù ít hay nhiều, dù trực tiếp hay gián tiếp của người khác. Chính vì thế em xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất, sâu sắc nhất đến Ban tổ chức Hội thi Tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử Đồng Nai: Tỉnh đoàn , Sở Khoa học và Công nghệ cùng các Sở, Ban, Ngành trong tỉnh đã tạo cho chúng em một sân chơi thú vị nhưng không kém phần bổ ích và lý thú. Qua đó, chúng em được nhìn lại một thời quá khứ hào hùng của dân tộc Việt Nam nói chung và mảnh đất Đồng Nai nói riêng. Cũng chính vì thế, khơi dậy lại tinh thần, trách nhiệm đối với quê hương, đối với đất nước của mỗi học sinh, sinh viên cũng như của mỗi người dân. Nhắc nhở cho chúng em biết truyền thống đấu tranh chống giặc ngoại xâm vẻ vang của dân tộc. Để có được độc lập tự do như lúc em đang viết bài thi này thì biết bao người lính nơi xa trường, biết bao người dân đã phải ngã xuống. Một thông điệp đầy ý nghĩa mà chúng em sẽ ghi nhớ suốt cuộc đời. Ngoài ra còn đề cao tinh thần tự học hỏi, tự tìm hiểu, ứng dụng kiến thức để giải quyết các tình huống thực tiễn trong cuộc sống. Để từ đó giúp chúng em cố gắng học tập, rèn luyện để sau này có thể đóng góp phần nào đó sức lực vào công cuộc giữ gìn và phát triển đất nước. Vì một Việt Nam Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc. Vì một nước Việt phát triển vững mạnh.

BÀI DỰ THI

Câu hỏi 1: Trình bày những thay đổi về địa giới hành chính tỉnh Đồng Nai từ năm 1976 đến nay và tên gọi Đồng Nai có nguồn gốc như thế nào?

*** Những thay đổi về địa giới hành chính tỉnh Đồng Nai từ năm 1976 đến nay:**

-Tháng 1-1976, ba tỉnh: Biên Hòa, Bà Rịa - Long Khánh, Tân Phú hợp nhất thành tỉnh Đồng Nai.

- Năm 1976, tỉnh Đồng Nai có 1 thành phố, 1 thị xã, 9 huyện, 1 quần đảo (Trường Sa), 154 phường, xã, thị trấn.

- Năm 1979, tỉnh Đồng Nai có 1 thành phố, 8 huyện, 1 quần đảo, 141 phường, xã, thị trấn.

- Năm 1985, tỉnh Đồng Nai có 1 thành phố, 1 thị xã (Vĩnh An), 7 huyện, 147 phường, xã, thị trấn.

- Năm 1990, tỉnh Đồng Nai có 1 thành phố, 1 thị xã, 7 huyện, 155 phường, xã, thị trấn.

- Năm 1992, tỉnh Đồng Nai có 1 thành phố, 1 thị xã, 6 huyện, 119 phường, xã, thị trấn.

- Năm 1995, tỉnh Đồng Nai có 1 thành phố, 8 huyện, 163 phường, xã, thị trấn. Những thay đổi địa giới đến cấp huyện diễn ra vào các năm:

+ Nghị quyết của Quốc hội khóa VI, kỳ họp thứ 4, ngày 29-12-1978, cắt huyện Duyên Hải (tỉnh Đồng Nai) nhập về thành phố Hồ Chí Minh (nay đổi là huyện Cần Giờ).

+ Nghị quyết của Quốc hội khóa VI, kỳ họp thứ 5, ngày 30-5-1979, thành lập Đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo (gồm có thị xã Vũng Tàu, xã Long Sơn, huyện Châu Thành và huyện Côn Đảo của tỉnh Hậu Giang).

+ Quyết định số 193.HDBT ngày 9-12-1982, thành lập huyện Trường Sa, trước đây vốn thuộc huyện Long Đất (Đồng Nai). Huyện Trường Sa bao gồm toàn bộ khu vực quần đảo Trường Sa.

+ Nghị quyết của Quốc hội khóa VII, kỳ họp thứ 4, ngày 8-12-1982, sáp nhập huyện Trường Sa thuộc tỉnh Đồng Nai vào tỉnh Phú Khánh (sau này thuộc tỉnh Khánh Hòa).

+ Quyết định số 284.HDBT ngày 23-12-1985, thành lập thị xã Vĩnh An (gồm huyện Vĩnh Cửu và các lâm trường: Vĩnh An, Mã Đà).

+ Quyết định số 107.HĐBT ngày 10-4-1991, chia huyện Xuân Lộc thành hai huyện: Long Khánh và Xuân Lộc. Chia huyện Tân Phú thành hai huyện: Định Quán và Tân Phú.

+ Nghị quyết của Quốc hội khóa VIII, kỳ họp thứ 9, ngày 12-8-1991, cắt ba huyện: Châu Thành, Long Đất, Xuyên Mộc thuộc tỉnh Đồng Nai nhập với Đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo để thành lập tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

+ Nghị định 51.CP ngày 26-3-1994, chia huyện Long Thành thành hai huyện: Long Thành và Nhơn Trạch.

+ Nghị định 109.CP ngày 29-8-1994 lập lại huyện Vĩnh Cửu từ thị xã Vĩnh An. Việc tách nhập xã, phường... diễn ra nhiều lần trong hai mươi năm qua, đánh dấu sự phát triển sôi động của khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam, mà Đồng Nai là một đỉnh của tam giác đó. Cho đến năm 1995, tỉnh Đồng Nai có những đơn vị hành chính sau đây:

1. Thành phố Biên Hòa (đô thị loại II) có 23 phường 3 xã

- Xã Hóa An	- Xã Tân Hạnh	- Xã Hiệp Hòa
- Phường Bửu Hòa	- Phường Tân Vạn	- P. Long Bình Tân
- P. Thanh Bình	- P. Trung Dũng	- P. Quang Vinh
- P. Quyết Thắng	- P. Thống Nhất	- Phường Hòa Bình
- Phường Tân Mai	- Phường Bửu Long	- Phường An Bình
- Phường Tân Phong	- Phường Trảng Dài	- Phường Tân Tiến
- Phường Tân Hiệp	- Phường Tam Hiệp	- Phường Tam Hòa
- Phường Bình Đa	- Phường Long Bình	- Phường Hố Nai I
- Phường Tân Biên	- Phường Tân Hòa	

Thành phố Biên Hòa ngày nay theo quan sát từ vị trí xa

2. Huyện Vĩnh Cửu có 1 thị trấn, 1 phường, 8 xã.

- Xã Vĩnh Tân
- Thị trấn Vĩnh An
- Phường Trị An
- Xã Tân Bình
- Xã Thạnh Phú
- Xã Bình Hòa
- Xã Bình Lợi
- Xã Tân An
- Xã Thiện Tân
- Xã Phú Lý

Xã Phú Lý – Huyện Vĩnh Cửu đạt chuẩn nông thôn mới

3. Huyện Thống Nhất có 1 thị trấn, 24 xã:

- Thị trấn Trảng Bom
- Xã Hố Nai 3
- Xã Bắc Sơn
- Xã Quảng Tiến
- Xã Bình Minh
- Xã Sông Trầu
- Xã Hưng Lộc
- Xã Hưng Thịnh
- Xã Đông Hòa
- Xã Tây Hòa
- Xã Trung Hòa
- Xã Bàu Hàm
- Xã Sông Thao
- Xã Bàu Hàm 2
- Xã Cây Gáo
- Xã Thanh Bình
- Xã Gia Kiệm
- Xã Quang Trung
- Xã Gia Tân 1
- Xã Gia Tân 2
- Xã Gia Tân 3
- Xã An Viễn
- Xã Đồi 61
- Xã Giang Điền
- Xã Lộ 25

4. Huyện Long Thành có 1 thị trấn, 18 xã:

- TT. Long Thành
- Xã Lộc An
- Xã Phước Tân
- Xã Tam An
- Xã Tam Phước
- Xã Long Đức
- Xã Long Phước
- Xã Suối Trầu
- Xã Cẩm Đường
- Xã Bàu Cạn
- Xã Tân Hiệp
- Xã Long An
- Xã Phước Thái
- Xã Phước Bình
- Xã Bình Sơn
- Xã Bình An
- Xã An Hòa
- Xã Long Hưng
- Xã An Phước

5. Huyện Nhơn Trạch có 12 xã:

- Xã Phước Thiền
- Xã Phú Hội
- Xã Long Tân
- Xã Phú Thạnh
- Xã Đại Phước
- Xã Phước An
- Xã Phước Khánh
- Xã Vĩnh Thanh
- Xã Long Thọ
- Xã Hiệp Phước
- X Phú Hữu
- Xã Phú Đông

6. Huyện Xuân Lộc có 1 thị trấn, 20 xã:

- Thị trấn Xuân Lộc - Xã Xuân Thành - Xã Xuân Phú
- Xã Xuân Bảo - Xã Bảo Bình - Xã Xuân Định
- Xã Bảo Hòa - Xã Xuân Hưng - Xã Xuân Thọ
- Xã Xuân Bắc - Xã Xuân Hòa - Xã Xuân Thọ
- Xã Xuân Trường - Xã Suối Cao - Xã Xuân Hiệp
- Xã Suối Cát - Xã Lang Minh - Xã Sông Ray
- Xã Lâm San - Xã Xuân Đông - Xã Xuân Tây

7. Huyện Long Khánh có 1 thị trấn, 17 xã:

- Thị trấn Xuân Lộc - Xã Xuân Lập - Xã Suối Tre
- Xã Bàu Sen - Xã Xuân Thanh - Xã Xuân Bình
- Xã Bình Lộc - Xã Xuân Vinh - Xã Bảo Quang
- Xã Xuân Tân - Xã Xuân Thanh - Xã Nhân Nghĩa
- Xã Xuân Mỹ - Xã Long Giao - Xã Xuân Đường
- Xã Thừa Đức - Xã Xuân Quế - Xã Sông Nhạn

8. Huyện Tân Phú có 1 thị trấn, 17 xã:

- Thị trấn Tân Phú - Xã Phú Bình - Xã Phú Trung
- Xã Phú Sơn - Xã Phú Thanh - Xã Phú Xuân
- Xã Phú Lâm - Xã Thanh Sơn - Xã Phú Lộc
- Xã Phú Thịnh - Xã Trà Cổ - Xã Phú Lập
- Xã Tà Lài - Xã Phú Diễn - Xã Phú An
- Xã Núi Tượng - Đák Lua - Xã Nam Cát Tiên

9. Huyện Định Quán có 1 thị trấn, 13 xã:

- Thị trấn Định Quán - Xã Phú Hòa - Xã Phú Cường
- Xã Phú Túc - Xã Túc Trưng - Xã Suối Nho

- Xã La Ngà - Xã Phú Ngọc - Xã Thanh Sơn
- Xã Ngọc Định - Xã Gia Canh - Xã Phú Tân
- Xã Phú Lợi - Xã Phú Vinh

*** Nguồn gốc địa danh Đồng Nai**

Căn cứ vào kết quả khảo cổ, Nhà Bảo tàng Đồng Nai đoán định lưu vực sông Đồng Nai đã có con người cư trú từ thời sơ kỳ đá cũ cách nay khoảng 700 ngàn đến 300 ngàn năm. Song chưa có tư liệu nào ghi vùng đất này thuở đó gọi là gì. Các công trình khảo cổ cho biết, vùng này có con người sinh sống từ thời tiền sử, cách nay ít nhất 5000 năm. Cư dân bản địa sống thành bộ lạc, thị tộc, giữa những lõm rừng già nhiệt đới. Ở đây, xưa kia có thể từng đặt tên cho nơi họ cư trú, song trải qua nhiều thế hệ, trải bao đổi thay, các địa danh đã phai mờ trong tâm trí họ. Người Chơro - một trong những cư dân bản địa - từ xa xưa, từng gọi địa điểm sau này là thành phố Biên Hòa là Bù Blih (cũng như gọi Sài Gòn là Gor). Địa danh này ra đời từ lúc nào, chưa biết. Nhưng có thể đoán rằng địa danh Bù Blih xuất hiện lúc thành phố Biên Hòa chỉ là một làng nhỏ như bất kỳ xóm làng nào của đồng bào các dân tộc ít người. Một số sách báo từ xưa tới nay có bàn về xuất xứ địa danh Đồng Nai, xin dẫn ra đây:

+ Theo Lê Quý Đôn.

Sách "Phủ Biên tạp lục" (năm 1776) là cuốn sách xưa nhất đề cập đến địa danh Đồng Nai: "Đất Đồng Nai từ các cửa biển Cần Giờ, Soi Rạp, cửa Đại, cửa Tiểu toàn là rừng rậm hàng mấy ngàn dặm... Đất ấy nhiều ngòi lạch, đường nước như mắc cửi, không tiện đi bộ. Người buôn có thuyền lớn thì tất đèo thêm xuồng nhỏ để thông đi các kênh. Từ cửa biển đến đầu nguồn đi sáu, bảy ngày, hết thảy là đồng ruộng, nhìn bát ngát, nhìn phẳng như thế đấy, rất hợp trồng lúa nếp, lúa tẻ, gạo đều trắng dẻo". Rõ ràng là Lê Quý Đôn đông nhất đất Đồng Nai với cả đồng bằng Nam bộ.

+ Theo Trịnh Hoài Đức.

Sách "Gia Định thành thông chí" (năm 1820) có đoạn: "Bà Rịa ở đầu trấn Biên Hòa, là đất có danh tiếng, nên các phủ phía Bắc có câu ngạn rằng: cơm Nai Rịa, cá Rí Rang, ấy là lấy xứ Đồng Nai và Bà Rịa đứng đầu mà bao gồm cả Bến Nghé, Sài Gòn, Mỹ Tho, Long Hồ vậy". Ông dẫn sách "Tân Đường thư":

"Nước Bà Lợi ở ngai phía đông nam Chiêm Thành, từ Giao Châu vượt biển trải qua các nước Xích Thổ, Đan Đan thì tới. Phong tục của họ là xỏ tai đeo khoeo, dùng một tấm vải thô quấn ngang lưng. Phía Nam (Bà Lợi) là nước Thù Nại. Sau niên hiệu Vĩnh Huy đời Đường (650-655) thì bị Chân Lạp thôn tính"... "Tra theo sách Chánh Văn thì chữ lợi âm lục địa thiết (đọc lịa, ta đọc rịa) nên nghi Bà Rịa nay tức là nước Bà Lợi xưa kia chăng? Còn Thù Nại với Đồng Nai hay Nông Nại thanh âm không sai nhau lắm, hoặc giả là đất Sài Gòn ngày nay vậy."

+ Theo Nguyễn Siêu.

Trong sách "Phương Đình dư địa chí", ông bác bỏ một phần giả thiết của Trịnh Hoài Đức và nêu lý giải mới: "Cứ Tùy sử thì nước Bà Lợi là nước Tiêm La ngày nay. Sách Gia Định thành thông chí của Trịnh Hoài Đức cho Bà Lị là nước Bà Lợi ngày xưa chưa chắc đã phải, có lẽ là Can Đà Lợi, Xích Thổ tức là Biên Hòa ngày nay".

+. Nhiều nhà nghiên cứu lịch sử và khảo cổ

Cho rằng thời sơ sử - từ đầu công nguyên tới thế kỷ VII - vùng đất Đồng Nai hiện nay nằm trong vùng ảnh hưởng của Phù Nam, vì nơi đây có nhiều di tích văn minh Óc Eo. Sau đó, đất này phụ thuộc lỏng lẻo vào Chân Lạp, là một phần đất Thủy Chân Lạp; có lúc là vùng trái độn bị Chămpa và Chân Lạp tranh chấp. Lúc đó, nơi đây không biết gọi là gì, người ta chưa tìm ra địa danh có thể đã xuất hiện từ lâu. Sách "Việt sử xứ Đàng Trong" của Phan Khoang (1970) viết: "Năm 1620 một công chúa Nguyễn lấy Chey Chetta II mở đầu cho phong trào di dân của người Việt. Năm 1628, Chey Chetta II chết, vùng đất này từ Prey Kor trở ra Bắc đã có nhiều dân đến ở. Song ông không cho biết vùng đất Biên Hòa, Bà Rịa thời đó gọi là gì?"

+ Theo H. Fontaine.

Trong bài viết "Cánh đồng mộ chum ở Long Khánh" (1972), ông dẫn thư giám mục Labbé gửi phái bộ thừa sai nước ngoài (viết tháng 10-1710): "Khoảng năm 1670 đã có dân Cochinchine (người Giao Chỉ, tức người Việt, NV chú) đến sinh cơ lập nghiệp ở một phần đất nào đó mà người ta gọi là Donnai giáp ranh với các vương quốc Khmer và Chăm pa". Như vậy, hẳn địa danh Đồng Nai có từ lâu, trước khi Nguyễn Hữu Cảnh vâng lệnh chúa Nguyễn vào kinh lý đất Đồng Nai, Gia Định.

+ Theo sách "Đại Nam nhất thống chí" của Quốc sử quán triều Nguyễn. Mục thị điếm (chợ quán) viết: "Chợ Lộc Đã ở phía nam hạ lưu Phước Long (sông Đồng Nai, NV chú) huyện Phước Chánh, nguyên xưa là cánh đồng hươu nai ở, nên đặt tên ấy, hoặc gọi Lộc động, tục danh chợ Đồng Nai cũng là chỗ này. Xét sáu tỉnh Gia Định mà thông xưng là Đồng Nai, vì khi đầu khai thác từ chỗ Đồng Nai trước hết, nên cứ chỗ gốc cũng gồm đủ chỗ ngọn".

+ Theo Đỗ Quyên và PTS Lê Trung Hoa.

Trong tập san Du lịch Đồng Nai hè 1988, ông viết: "Trong phạm vi khái niệm địa lý vùng đất Đồng Nai, ít nhất có bốn địa danh có quan hệ trực tiếp đến Nai: Hang Nai, Nhà Nai, Hố Nai và Đồng Nai. Chúng ta chú ý hai yếu tố cấu thành bốn địa danh này: một là hình tượng con Nai biểu hiện, khắc họa như một thứ TOTEM, thứ hai về một ngôn ngữ hoàn toàn thuần nhất thành tố Nôm"... "Chúng ta thử phác họa một bức tranh miêu tả đoàn người này (di dân, NV chú) xuyên rừng, mở lối hoặc dùng thuyền bè ngược sông Thị Vải, Đồng Môn, Đồng Nai đi sâu vào đất liền với đôi bờ sông rộng mở, những trảng cỏ mênh mông xanh mượt, nơi hội tụ của quần thể động vật đặc trưng vùng nhiệt đới, từ loài bò sát, gậm nhấm, ăn cỏ, ăn thịt... Nai cho mãi đến sau này vẫn chiếm số lượng lớn, sống thành bầy, thích phơi mình trên những đồng cỏ ven sông, đầm lầy hơn là rừng rậm. Tên gọi Đồng Nai chắc xuất phát từ sự quan sát và cách tư duy của thế hệ người khai phá này. Lộc đã, Lộc động mãi sau này, cuối thế kỷ XVIII khi các điền chủ, các quan kinh lược theo lệnh chúa Nguyễn vào, mới có. Xu hướng Hán hóa các địa danh khá phổ biến. Ví dụ: núi Nứa được ghi là Trúc Sơn, rạch Cát được ghi là Sa hà, sông Bé thành Tiểu Giang...". Trong tham luận: "Nguồn gốc, ý nghĩa và phát triển của địa danh Đồng Nai" đọc tại cuộc hội thảo "Biên Hòa - Đồng Nai 300 năm" tháng 6-1997, PTS Lê Trung Hoa có ý kiến tương tự ý kiến của Đỗ Quyên. Ông còn chỉ ra địa danh Đồng Nai xuất hiện bằng chữ quốc ngữ lần đầu tiên trong một báo cáo của giáo hội Thiên chúa về tình hình giáo dân ở Nam bộ năm 1747. Sau đó, địa danh Đồng Nai xuất hiện vừa bằng chữ nôm, vừa bằng chữ quốc ngữ vào năm 1772 trong cuốn "Từ điển An Nam - La tinh" của Pigneau de Béhaine. Cho đến nay, địa danh Đồng Nai quy vào ba xuất xứ: Tên một nước cổ đại, tên con sông theo cách gọi của người Mạ, từ quan sát đương thời.Người địa phương luôn tự hào khi được sinh ra và lớn lên tại mảnh đất lịch sử*: Gạo Cần Đước nước Đồng Nai; Nhất Đồng Nai nhì Hai huyện*. Khi nói đến sự lịch lãm, từng trải:

Làm trai cho đáng nên trai
Phú Xuân cũng trải Đồng Nai cũng từng

Khi thề nguyền, người ta dẫn ra những biểu tượng bền vững:

Bao giờ cạn nước Đồng Nai
Nát chùa Thiên Mụ mới phai lời nguyền.

Vùng đất Đồng Nai mênh mông, trù phú này, có hấp lực thú vị đối với người phương xa:

Nhà Bè nước chảy phân hai
Ai về Gia Định, Đồng Nai thì về.

Đồng Nai gạo trắng nước trong
Ai đi đến đó lòng không muốn về.

Đồng Nai gạo trắng như cò
Trốn cha trốn mẹ xuống đò theo anh.

Lại có những câu hát vui:

Đồn rằng con gái Phú Yên
Đồng Nai đi cưới một thiên cá mòi
Chẳng tin giở quả ra coi
Rau răm ở dưới cá mòi ở trên

Nồi đồng thì úp vung đồng
Con gái Xứ Bắc lấy chồng Đồng Nai.

Chị Hươu đi chợ Đồng Nai
Bước qua Bến Nghé còn nhai thịt bò.

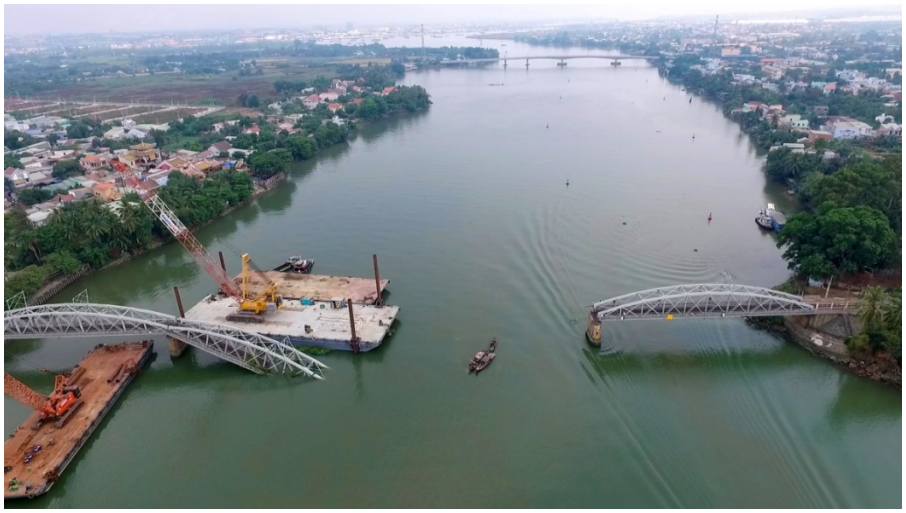

Vẻ đẹp của sông Đồng Nai

Đến năm 1976, khi thống nhất đất nước, Đồng Nai được đặt tên cho đơn vị hành chính cấp tỉnh: Tỉnh Đồng Nai; sau nhiều lần thay đổi địa giới hành chính còn là tỉnh Đồng Nai hiện nay.

<u>Câu hỏi 2 :</u> Cho biết những chiến công tiêu biểu của quân dân Biên Hòa - Đồng Nai trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954), chống Mỹ (1954-1975). Trình bày cảm nhận của anh (chị) về truyền thống đấu tranh cách mạng của quân dân Biên Hòa - Đồng Nai; Anh (chị) sẽ làm gì để phát huy truyền thống cách mạng ấy?

* Cách mạng tháng Tám 1945 ở Biên Hòa.

Ngày 9-3-1945, phát xít Nhật đảo chánh thực dân Pháp để độc chiếm Đông Dương. Ở Biên Hòa, ngay sáng ngày 10-3-1945, bộ máy thống trị của thực dân Pháp lọt vào tay phát xít Nhật.

Tháng 5-1945, dưới sự lãnh đạo của Xứ ủy Nam kỳ, tổ chức thanh niên Tiền phong được thành lập tại Sài Gòn, do bác sĩ Phạm Ngọc Thạch, đảng viên Đảng Cộng sản làm thủ lĩnh.

Ở Biên Hòa, tổ chức Thanh niên Tiền Phong do Huỳnh Thiện Nghệ làm thủ lĩnh, đã phát triển nhanh chóng từ tỉnh đến cơ sở làng, xã xí nghiệp, đồn điền cao su, nhà máy.

Cũng trong tháng 5-1945, tại ấp Vĩnh Cửu, xã Tam Hiệp, quận Châu Thành, Biên Hòa, Liên Tỉnh ủy miền Đông triệu tập cuộc họp cán bộ Đảng toàn miền Đông để phổ biến chủ trương của Trung ương về tình hình nhiệm vụ

mới, trọng tâm là vấn đề chuẩn bị lực lượng để tham gia cuộc tổng khởi nghĩa trên phạm vi toàn quốc.

Tiếp đó, tháng 7-1945 tại chùa Tân Mai, quận Châu Thành, đồng chí Hà Huy Giáp đại diện Xứ ủy Nam kỳ đã họp với các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Biên Hòa để phổ biến chủ trương của Xứ ủy là gấp rút xây dựng phát triển lực lượng cách mạng. Hội nghị nhấn mạnh việc khẩn trương phát triển các tổ chức đoàn thể Việt Minh, nắm chắc lực lượng Thanh niên Tiền phong, chuẩn bị phát động quần chúng nhân dân trong toàn tỉnh nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền.

Ngày 15-8-1945, Nhật Hoàng tuyên bố đầu hàng Đồng Minh vô điều kiện. Tin Nhật đầu hàng lan truyền nhanh chóng. Bọn sĩ quan và binh lính Nhật ở Biên Hòa hoang mang, rệu rã. Ngọn lửa cách mạng bùng lên mạnh mẽ. Bầu không khí tiền khởi nghĩa sôi động khắp thành thị và nông thôn. Ngày cũng như đêm, trên khắp các nẻo đường, xóm ấp ở Biên Hòa rộn rã tiếng hát, lời ca cách mạng. Những ca khúc "Tiếng hát thanh niên", "Bạch Đằng giang", "Chi Lăng" giục giã lòng người, bừng bừng khí thế vùng dậy đấu tranh để cởi bỏ gông xiềng nô lệ.

Ngày 19-8-1945, cuộc khởi nghĩa ở Hà Nội đã giành được thắng lợi rực rỡ.

Ngày 20-8, Xứ ủy Nam kỳ họp hội nghị tại Chợ Đệm để phổ biến kế hoạch khởi nghĩa ở Nam bộ.

Ngày 3-8-1945, tại căn nhà số 2 dãy phố Sáu Sử, xã Bình Trước, quận Châu Thành, Biên Hòa, đồng chí Hoàng Minh Châu chủ trì cuộc họp với các đồng chí cán bộ trong tỉnh để bàn kế hoạch khởi nghĩa giành chính quyền, trọng điểm là tỉnh lỵ Biên Hòa. Hội nghị đã bàn bạc thống nhất và quyết định một số việc cấp bách

Sáng sớm ngày 24-8, dưới sự lãnh đạo của chi bộ nhà máy cưa BIF, chi bộ ga xe lửa Biên Hòa, công nhân và nhân dân các ấp Tân Mai, Lân Thành, Vĩnh Thị đã nổi dậy làm chủ các cơ sở trên, đồng thời lập lực lượng xung kích làm lực lượng nòng cốt cho cuộc khởi nghĩa ở Biên Hòa.

Đêm 24-8, tại rạp hát Trần Điển (thị xã Biên Hòa), một cuộc mít tinh lớn được tổ chức với hàng trăm quần chúng tham gia. Các đồng chí trong Ủy ban khởi nghĩa đã diễn thuyết, kêu gọi đồng bào tham gia Mặt trận Việt Minh, tham gia khởi nghĩa cướp chính quyền.

Suốt đêm 24-8, lực lượng Thanh niên xung kích rầm rập đi tuần tra trên các đường phố thị xã. Lực lượng cách mạng đã làm chủ nội thành và ngoại thành Biên Hòa.

4 giờ sáng ngày 25-8, chuyến xe lửa đầu tiên trong ngày do ông Ba Miều lái từ ga Biên Hòa đã đưa hơn 500 người, bao gồm đại diện công nhân các nhà máy, nhân dân các ấp thuộc xã Bình Trước, quận Châu Thành về Sài Gòn cùng tham gia giành chính quyền. Thắng lợi Sài Gòn càng làm nức lòng cán bộ, nhân dân Biên Hòa. Lực lượng xung kích đã chiếm giữ hầu hết các công sở trong thị xã Biên Hòa.

Sáng sớm ngày 26-8-1945, đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa đã tập họp hàng trăm quần chúng tiến thẳng vào Tòa bố Biên Hòa, treo lá cờ đỏ sao vàng đầu tiên tại dinh tỉnh trưởng. Đông đảo đồng bào tập trung trước Tòa bố reo hò vang dậy.

Đến 11 giờ trưa cùng ngày, các đồng chí Hoàng Minh Châu, Huỳnh Văn Hớn và một số đồng chí trong Ủy ban khởi nghĩa tiếp tục đến Tòa bố buộc tỉnh trưởng Nguyễn Văn Quý cùng các viên chức đứng đầu các công sở trong tỉnh bàn giao chính quyền cho cách mạng.

Ngay chiều hôm đó (14 giờ), lực lượng cách mạng đã bắt giữ tên cò Phước - chỉ huy lực lượng cảnh sát tỉnh Biên Hòa, tịch thu 40 khẩu súng các loại của bọn lính mã tà tại cửa tiền (khám lớn). Lực lượng xung kích nhanh chóng chiếm lĩnh, tiếp quản các cơ quan, công sở còn lại ở quận Châu Thành.

Sáng sớm ngày 27-8-1945, tại quảng trường Sông Phố, một cuộc mít tinh lớn được tổ chức. Gần một vạn người từ khắp các huyện về tham dự. Sau lễ chào quốc kỳ, đồng chí Dương Bạch Mai, cán bộ Xứ ủy Nam kỳ đại diện Mặt trận Việt Minh ở Nam bộ, diễn thuyết được quần chúng nhiệt liệt hoan nghênh. Tiếp đó, đồng chí Hoàng Minh Châu, Chủ tịch Ủy ban khởi nghĩa, đọc diễn văn tuyên bố chính quyền về tay nhân dân và công bố thành phần Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh Biên Hòa

Sau khi giành chính quyền ở tỉnh, chính quyền ở các quận, xã còn lại ở các quận Châu Thành, Xuân Lộc, Tân Uyên cũng nhanh chóng về tay nhân dân vài ngày sau đó.

Phấn khởi tự hào trước thắng lợi giành được, Đảng bộ và nhân dân Biên Hòa đã đoàn kết một lòng, khắc phục những khó khăn trở ngại, tiếp tục đưa sự nghiệp cách mạng tiến lên.

*** Kháng chiến chống thực dân Pháp lần II**

1. Trại huấn luyện du kích Vĩnh Cửu.

Tháng 9-1945, Tỉnh ủy Biên Hòa đã thành lập trường huấn luyện cán bộ quân sự đầu

Ngày 26-9-1945, trại mở khóa học đầu tiên. Trường không chỉ tập hợp thanh niên ưu tú ở các địa phương trong tỉnh, mà còn thu hút nhiều tổ chức, cá nhân từ các địa phương khác

Tháng 10-1945, quân Nhật ở Biên Hòa theo lệnh Đồng Minh lùng sục vào Vĩnh Cửu, Ban chỉ huy trại quyết định chuyển trường về bên kia quốc lộ 15, đóng ở đồi An Hảo, trong một ngôi biệt thự của chủ xí nghiệp gạch ngói người Pháp. Nhưng 5 ngày sau, trường lại dời về đình Bình Đa. Đình Bình Đa vừa là trung tâm chỉ huy của trường, vừa là hội trường để lên lớp cho các học viên. Khi trường dời về đình Bình Đa, chính là lúc đoàn quân Nam tiến do đồng chí Nam Long chỉ huy vào đến Biên Hòa. Trường được tăng cường thêm một số giảng viên quân sự, chính trị đã tốt nghiệp trường Quân chính Việt Bắc như: Đỗ Hy Vọng, Mạnh Liên, Quang Phục...

Trường đã mở được hai khóa huấn luyện, mỗi khóa 15 ngày. Tuy thời gian huấn luyện ngắn nhưng những chiến sĩ tốt nghiệp tại trường du kích Vĩnh Cửu vừa biết chiến đấu, chỉ huy chiến đấu, quản lý đơn vị, biết làm công tác chính trị, binh vận, dân vận... Đó chính là những cán bộ quân đội kiểu mới. Hầu hết các học viên sau này đều là những cán bộ nòng cốt xây dựng lực lượng vũ trang ở các tỉnh miền Đông Nam Bộ.

Ngoài huấn luyện quân sự, chính trị, tăng cường cán bộ cho các địa phương, trường còn phối hợp với lực lượng quân Nam tiến đánh chiếm cầu Bình Lợi, ngăn chận quân Pháp mở rộng lấn chiếm ra ngoài Sài Gòn (20-10-1945).

Ngày 25-10-1945, quân Pháp đánh chiếm tỉnh lỵ Biên Hòa, một lần nữa, trường phải chuyển về khu vực Suối Linh (Vĩnh Cửu). Nhà thầy giáo Thể, giáo Tỏi, giáo Tòng, những người hết lòng ủng hộ, giúp đỡ cho trường hoạt

động bị địch cho xe tăng ủi sập, phá hủy toàn bộ. Trường chỉ ở Suối Linh vài ngày, sau đó để có thể tiếp tục huấn luyện lâu dài, Ban chỉ huy quyết định đưa trường về Tân Tịch (Tân Uyên).

Hơn hai tháng thành lập, huấn luyện, trại Du kích Vĩnh Cửu, trường quân chính đầu tiên của Biên Hòa và miền Đông đã đào tạo trên 100 cán bộ quân sự, chính trị. Đây là lực lượng nòng cốt để phát động phong trào du kích ở Biên Hòa và một số tỉnh miền Đông. Đây cũng là những cán bộ quân đội nòng cốt của nhiều đơn vị vũ trang như chi đội 10, trung đoàn 310 Biên Hòa, chi đội 16, trung đoàn 307 Bà Rịa, trung đoàn 812 Bình Thuận...

Trường huấn luyện du kích Vĩnh Cửu, Bình Đa, chính là tiền thân của trường Quân chính Quân khu 7 trong kháng chiến chống Pháp.

2. Trận tập kích đầu tiên vào tỉnh lỵ Biên Hòa (2-1- 1946).

Nhân dân Biên Hòa chỉ được hưởng độc lập từ ngày 26-8-1945 đến ngày 24-10-1945, tức chỉ được 1 tháng 28 ngày. Trong gần hai tháng đó, Tỉnh ủy lâm thời mới được thành lập (qua hội nghị Bình Trước), chính quyền mới ra đời còn rất non trẻ, vừa phải lo ổn định đời sống, sản xuất cho dân, vừa tích cực xây dựng lực lượng vũ trang, sẵn sàng chống thực dân Pháp trở lại cướp nước ta lần thứ hai như lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch trong bản Tuyên ngôn độc lập ngày 2-9-1945, bằng bất cứ giá nào cũng phải giữ lấy độc lập tự do...

Thực dân Pháp âm mưu xâm lược lại nước ta lần nữa, khi chiến tranh thế giới lần thứ hai kết thúc. Lợi dụng danh nghĩa Đồng Minh, tháng 8-1945 quân Pháp theo chân quân Anh đổ bộ vào Sài Gòn và liên tục gây hấn. Rạng sáng ngày 23-9-1945, quân Pháp nổ súng đánh chiếm Sài Gòn. Cuộc kháng chiến ở Nam bộ đã bùng nổ. Lời kêu gọi kháng chiến của Xứ ủy, Ủy ban Kháng chiến Nam bộ đã thể hiện rõ quyết tâm của toàn dân ta nói chung và nhân dân Nam bộ nói riêng "Hỡi đồng bào! Từ giờ phút này, nhiệm vụ của chúng ta là tiêu diệt giặc Pháp, tiêu diệt tay sai của chúng. Hỡi anh em binh sĩ, dân quân tự vệ ! Hãy nắm chặt vũ khí trong tay, xông lên đánh đuổi thực dân Pháp cứu nước".

Cuối tháng 10-1945, Pháp phá vỡ vòng vây ở Sài Gòn. Và mục tiêu lấn chiếm kế tiếp là Biên Hòa, tỉnh có vị trí quan trọng để mở đường chiếm các tỉnh miền Đông Nam bộ, ra cực Nam Trung bộ và Tây Nguyên.

Ngày 24-10-1945, thực dân Pháp với quân Anh hỗ trợ đánh chiếm tỉnh lỵ Biên Hòa. Chúng đưa quân trấn giữ các đầu mối giao thông, chiếm thành Săng Đá, chiếm đóng các công sở như Tòa bố, bưu điện, kho bạc, tòa án... bắt tay xây dựng lại bộ máy chính quyền tay sai ở tỉnh lỵ và thị xã. Tuy nhiên, phạm vi chiếm đóng của thực dân Pháp đến cuối tháng 12-1945 vẫn là khu vực xã Bình Trước, giới hạn bởi các con đường 16 (đi Tân Uyên), đường 24 (đi Vĩnh Cửu), quốc lộ 1 (về Sài Gòn), đường 15 (đi Long Thành). Các ấp ven thị xã như Lân Thị, Gò Me, Vĩnh Thị, Núi Đất..., các xã ven như Hiệp Hòa, Tân Vạn, Tam Hiệp, Tân Phong..., các đội du kích, tự vệ chiến đấu và xung phong cảm tử Châu Thành vẫn liên tục hoạt động, đột nhập thị xã và các xã ven, các xã dọc lộ 1, 15 diệt tề trừ gian, gây cho địch nhiều thiệt hại về người.

Các lực lượng tham gia cuộc tập kích bao gồm: Vệ quốc đoàn Biên Hòa, Vệ quốc đoàn quận Châu Thành, liên quân Hóc Môn – Gia Định, liên chi 2-3 Bình Xuyên.

Cuối tháng 12-1945, công tác tổ chức và phương án tiến công đã được thông qua. Các lực lượng vũ trang đã được điều về áp sát thị xã trên các hướng Hóa An, Tân Phong, Bình Đa... Thời gian được chọn là sau ngày tết dương lịch, ngày địch ít phòng bị nhất

. Đêm 1 rạng sáng ngày 2-1-1946, các lực lượng nổ súng tiến công vào thành Săng Đá, các tua gác ở đầu cầu Gành, nhà máy cưa BIF, các công sở của địch trong tỉnh lỵ Biên Hòa, nhà ga Biên Hòa.

" Trận đánh vào tỉnh lỵ Biên Hòa đêm 1 rạng sáng 2-1-1946 là trận đột kích đầu tiên của Vệ quốc đoàn Biên Hòa có sự phối hợp của nhiều lực lượng vào một đô thị ở Nam bộ khi thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta lần thứ hai. Tuy không chiếm giữ được một mục tiêu nào trong thị xã, nhưng trận đánh đã gây tiếng vang rất lớn. Đứng về mặt chiến lược, lời tuyên truyền là đã "bình định xong Nam kỳ" của thực dân Pháp hoàn toàn bị đập tan. Lực lượng vũ trang Biên Hòa, miền Đông tuy mới thành lập, nhưng có đủ khả năng đánh hợp đồng khá xuất sắc. Và điểm quan trọng hơn là "Tiếng súng Biên Hòa" có sức cổ vũ, động viên rất lớn tinh thần kháng chiến của nhân dân miền Đông, nhất là nhân dân trong vùng địch còn kiểm soát, kêu gọi được các tầng lớp nhân dân yêu nước từ mọi nơi về Biên Hòa, về chiến khu Đ tham gia kháng chiến.

3. Trận La Ngà (1-3-1948).

La Ngà là tên một dòng sông, một chi lưu của sông Đồng Nai, mà Pháp ghi tên trên bản đồ là Lagna, cũng là một địa danh đã đi vào lịch sử dân tộc và lịch sử cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Trên quốc lộ 20 đi Đà Lạt từ cầu La Ngà lên Định Quán, ngày 1-3-1948, chi đội 10 Biên Hòa đã đánh trận giao thông La Ngà thắng lợi.

Chi đội 10 là lực lượng vũ trang của tỉnh Biên Hòa, thành lập vào tháng 6-1946. Đơn vị có 1.100 quân với 3 đại đội A, B, C hoạt động ở các huyện Tân Uyên, Châu Thành, Xuân Lộc và Long Thành.

Từ tháng 4-1947 đến tháng 7-1947, Chi đội 10 đã tổ chức một loạt trận đánh giao thông đường sắt Biên Hòa-Nha Trang thu nhiều thắng lợi như: Gia Huynh, Trảng Táo, Bảo Chánh 1,2, Bàu Cá. Tháng 12-1947, chi đội đánh trận giao thông Đồng Xoài trên quốc lộ 14. Tháng 2-1948, chi đội đánh bại trận càn của thực dân Pháp vào chiến khu Đ. Một loạt trận đánh vũ trang thắng lợi cho thấy đơn vị đã trưởng thành cả về chỉ huy, chiến đấu, có đủ khả năng thực hiện những trận đánh tập trung có quy mô lớn.

Đầu tháng 2-1948, Ban chỉ huy Chi đội 10 nhận được tin quân báo (Bùi Trọng Nghĩa, Trưởng chi quân báo chi đội) từ nội thành cho hay cuối tháng 2 hoặc đầu tháng 3, thực dân Pháp sẽ tổ chức một cuộc hội nghị quân chính ở Đà Lạt. Một đoàn công voa sẽ hộ tống các sĩ quan, công chức cao cấp của thực dân và ngụy quyền tay sai từ Sài Gòn đi dự hội nghị Đà Lạt.

Cân nhắc khá kỹ các điều kiện cần thiết, Ban chỉ huy chi đội quyết định tổ chức trận phục kích giao thông trên quốc lộ 20 để đánh đoàn công voa này. Tháng 2-1948, Huỳnh Văn Nghệ, Chi đội trưởng chi đội 10 được đề bạt Khu bộ phó Khu 7. Toàn bộ kế hoạch tổ chức, chỉ huy trận đánh do Nguyễn Văn Lung, Chi đội phó đảm trách.

Tổ chức một trận đánh tập trung toàn chi đội (tương đương một trung đoàn), trận địa cách căn cứ 80 km đường rừng đặt ra cho Ban chỉ huy nhiều vấn đề:

+ Làm thế nào giải quyết được lương thực cho trên 1.000 quân đủ ăn từ 7 đến 10 ngày?

+ Làm thế nào điều được đoàn xe đi theo đúng kế hoạch thời gian của Ban chỉ huy đề ra, để hạn chế sự phản kích bằng máy bay của địch?

+ Làm thế nào đảm bảo bí mật trận đánh, đánh nhanh giải quyết nhanh chiến trường?

Nhờ thu được nhiều máy vô tuyến của Pháp trong trận chống càn ở chiến khu Đ vào tháng 2-1948, Ban chỉ huy chi đội có điều kiện liên lạc bằng điện đàm thông suốt trên cả ba mặt trận kéo dài 9 km.

Tượng đài chiến thắng La Ngà tại Đồng Nai

Đêm 26-2-1948, Chi đội 10 cùng liên quân 17 của Quân khu 7 hành quân từ Chiến khu Đ lên Quốc lộ 20. Một bộ phận khác từ Xuân Lộc cũng hành quân lên Định Quán. Đêm 28-2, lực lượng đến điểm tập kết và bố trí trên ba trận địa. Sở chỉ huy trận đánh đặt trên đồi 100 ở km 107. Bộ phận hậu cần phục vụ y tế, ăn uống ở tả ngạn sông Đồng Nai cách 6 km. Đồng chí Bùi Cát Vũ, Giám đốc Binh công xưởng và các chiến sĩ quân giới chi đội đã có sáng kiến chôn địa lôi trên đường nhựa, dùng phân voi nghi trang bên trên. Quốc lộ 20 khúc khuỷu, hai bên là rừng, voi thường qua lại, phân voi rừng rất quen mắt với các đoàn công voa, địch ít chú ý.

Sáng 1 -3-1948, trên toàn tuyến trận địa, các chiến sĩ Chi đội 10 Biên Hòa đã sẵn sàng chiến đấu trong trạng thái căng thẳng chờ đợi địch.

Cùng sáng ngày đó, đoàn công voa 70 chiếc của Pháp có xe thiết giáp đi đầu khởi hành từ Sài Gòn. Khi đến Hố Nai, du kích quận Châu Thành bắt đầu hoạt động, bắn tỉa, quấy rối, ngã cây ra đường... Đoàn xe địch phải thường xuyên dừng lại để lính hộ tống dọn đường, rà mìn, bắn trả lại du kích. Tinh thần địch hết sức căng thẳng, mỏi mệt. Quá 12 giờ, đoàn xe địch mới đến

được ngã ba Dầu Giây rẽ vào Quốc lộ 20. Đến 14 giờ 20 phút, đoàn xe mới đến La Ngà. Trung úy Jeffrey, chỉ huy đại đội bảo vệ đoàn xe liên lạc với bót La Ngà

15 giờ 02 phút, chiếc thiết giáp đi đầu bị trúng mìn ở trận địa A, tung bổng lên khỏi mặt đất, lao thêm hơn 10 mét rồi bốc cháy, nằm bẹp dí trên đường. Đoàn xe địch phía sau vẫn tiến vào trận địa.

15 giờ 17 phút, mìn ở trận địa C lại nổ khóa đuôi đoàn xe địch. Cả đoàn công voa bị cắt làm ba khúc. Chi đội 10 và liên quân 17 từ các điểm cao dọc lộ xung phong mãnh liệt. Đại liên, trung liên, lựu đạn... của bộ đội làm cháy cả chục xe địch ngay phút đầu. Một số xe còn lại phía sau hốt hoảng quay đầu rút chạy về hướng cầu La Ngà.

Trung úy Pháp Jeffrey bị thương gãy chân đã được săn sóc, đưa về chiến khu Đ điều trị cho đến khi lành vết thương và sau này được trao trả tại bót Cây Đào ở Vĩnh Cửu. Sáng ngày 2-3-1948, tất cả các hành khách sau một đêm sống trong vùng kháng chiến được bộ đội đưa ra Quốc lộ 20 để về Sài Gòn.

Chiến thắng La Ngà không chỉ thu thắng lợi lớn về quân sự, mà thực tế lời kể của hàng trăm hành khách khi trở về Sài Gòn đã làm các tầng lớp trung lưu, tư sản ở Sài Gòn hiểu được chính nghĩa cách mạng. Từ vùng tạm chiếm ngày càng có nhiều người thoát ly ra khu kháng chiến, giúp đỡ, ủng hộ, tiếp tế cho kháng chiến. La Ngà là chiến thắng giao thông lớn nhất ở miền Đông bấy giờ; trận đánh đồng thời thể hiện được chính nghĩa và chủ nghĩa nhân đạo của cách mạng Việt Nam.

4. Biên Hòa, nơi sản sinh cách đánh đặc công.

Bị thất bại ở chiến trường Việt Bắc thu đông 1947-1948, thực dân buộc phải chuyển hướng chiến lược từ đánh nhanh thắng nhanh sang bình định Nam bộ, "lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt giết người Việt". Tính đến tháng 6-1949, ở miền Đông (cả Sài Gòn, Chợ Lớn, Khu 8), địch đã xây dựng được 200 tháp canh. Hệ thống tháp canh của Pháp gây cho ta nhiều khó khăn, việc di chuyển qua lại trên đường của ta bị địch khống chế. Trên chiến trường miền Đông, theo sự chỉ đạo của Bộ Tư lệnh khu 7, nhiều tỉnh như Thủ Dầu Một, Bà Rịa... đều tổ chức nghiên cứu đánh tháp canh.

Có nơi dùng vũ trang kết hợp binh vận; có nơi dùng hỏa công bằng cách dùng bùi nhùi cột vào đuôi trâu đốt cháy rồi lùa vào tháp canh; có nơi đào hào cho nước vào đồn..., nhưng tất cả đều không thành công. Đánh hạ tháp canh trở thành bài toán khó.

Đêm 18 rạng 19-3-1948, tổ du kích Tân Uyên do Trần Công An, Hồ Văn Lung, Trần Văn Nguyên lên đường đánh tháp canh, vũ khí gồm 1 súng trường, 8 lựu đạn (l của Mỹ, 7 tự tạo) và một chiếc thang cây (dùng để hái trầu, mượn của nhân dân). Cả ba du kích ở trần, dùng bùn non bôi lên người. Các anh vượt qua hàng rào quanh tháp, áp thang vào tường (hai đầu thang có bọc vải để không gây tiếng động).

Tháng 11-1949, Bộ Tư lệnh khu 7 mở hội nghị quân sự toàn khu tại Tân Hòa để bàn về chuyên đề đánh tháp canh. Từ kinh nghiệm trận đánh tháp canh cầu Bà Kiên của du kích Tân Uyên, hội nghị đã rút ra nhiều kinh nghiệm quý để từng\bước hoàn thiện kỹ thuật nghiên cứu, tiếp cận mục tiêu, hóa trang và vượt các chướng ngại... Đồng thời Bộ tư lệnh chỉ đạo cho Binh công xưởng nghiên cứu, chế tạo thành công mìn FT có khả năng phá được tường tháp canh. Công tác huấn luyện cách đánh tháp canh được tiến hành tại chiến khu Đ với du kích Tân Uyên làm chiến sĩ mẫu.

Đêm 22-3-1950, ba trăm chiến sĩ, du kích chia làm 50 tổ đánh cùng lúc 50 tháp canh trên các Quốc lộ 1, 16, liên tỉnh 16, 24... Các tháp canh đều bị đánh thủng một lỗ to từ 0,8 mét đến 1,5 mét.

Sau trận đánh, Bộ Tư lệnh khu 7 tiếp tục rút kinh nghiệm, chỉ đạo cải tiến vũ khí bằng cách đánh bồi thêm một quả mìn bê-ta khi tường tháp bị đánh thủng.

Đêm 19-4-1950, tổ đánh tháp canh của Tân Uyên do Trần Công An chỉ huy với FT và bê-ta, đánh sập hoàn toàn tháp canh cầu Bà Kiên lần thứ hai. Sau đó, tháng 5-1950, tổ lại đánh sập tháp canh Vàm Giá (Quốc lộ 14). Với trận Vàm Giá, kỹ thuật đánh tháp canh đã hoàn thiện.

Ngày 25-5- 1950, đại đội Nguyễn Văn Nghĩa được thành lập, được công nhận là đại đội đặc công đầu tiên ở Nam bộ. Kỹ thuật đặc công từ Biên Hòa được phổ biến ra khắp miền Đông, góp phần đánh bại chiến thuật Đờ La-tua của Pháp. Từ 1952, cách đánh đặc công được phổ biến về miền Tây Nam bộ.... Nhiều trận đánh đặc công đã đạt hiệu suất cao, nhất là đánh vào kho

tàng, cơ quan đầu não của địch như đánh kho Phú Thọ, sân bay Gia Lâm, Cát Bi, đánh đồi A1 trong chiến dịch Điện Biên Phủ...

Như vậy từ Biên Hòa, cách đánh đặc công đã ra đời, đó là kết quả của phong trào du kích phát triển cao với tinh thần sáng tạo trong chiến đấu và chế tạo vũ khí thích hợp. Biên Hòa cũng là nơi xây dựng đơn vị đặc công đầu tiên ở Nam bộ. Ngày 19-3-1948 sau này được lấy làm ngày truyền thống của binh chủng Đặc công.

5. Chiến khu Đ còn - Sài Gòn mất.

Suốt chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, câu "Chiến khu Đ còn - Sài Gòn mất" là lời đánh giá của kẻ thù với một vùng căn cứ cách mạng ở Biên Hòa, thể hiện rõ vai trò, vị trí và sự lợi hại của căn cứ này với toàn bộ cuộc kháng chiến ở miền Đông và Nam bộ.

Khởi phát của căn cứ địa cách mạng Chiến khu Đ là các xã Mỹ Lộc, Tân Hòa, Tân Tịch, Thường Lang, Lạc An của huyện Tân Uyên (nay thuộc tỉnh Bình Dương). Nơi đây từ năm 1940, đã hình thành đội du kích Nam kỳ khởi nghĩa của tỉnh Biên Hòa. Khi cuộc khởi nghĩa thất bại, đội du kích do ông Nguyễn Văn Quỳ (Chín Quỳ) chỉ huy rút vào khu vực rừng Tân Uyên, bảo toàn được lực lượng cho đến khi Cách mạng tháng Tám thành công.

Khi thực dân Pháp chiếm tỉnh lỵ Biên Hòa (25-10-1945), một bộ phận của Ủy ban kháng chiến miền Đông do Huỳnh Văn Nghệ chỉ huy về Tân Tịch, kết hợp cùng đội du kích Nam kỳ khởi nghĩa và trại du kích Vĩnh Cửu, hình thành Vệ quốc đoàn Biên Hòa.

Tháng 12-1945, Chiến khu 7 ra đời do Nguyễn Bình làm Tư lệnh về đóng tại Lạc An. Tháng 2-1946, sau hội nghị quân sự khu Đông, Bộ tư lệnh quyết định xây dựng căn cứ địa và đặt tên là Chiến khu Đ (theo thứ tự vùng căn cứ A, B, C, Đ) trung tâm là xã Lạc An. Từ tháng 3-1946, Bộ tư lệnh Khu 7 dời về Đông Thành, Chiến khu Đ trở thành căn cứ địa kháng chiến của tỉnh Biên Hòa. Phạm vi Chiến khu Đ gồm 5 xã, nam giáp

Từ Chiến khu Tân Uyên, đêm 1-1-1946, các lực lượng vũ trang Biên Hòa, miền Đông tổ chức tiến công đầu tiên vào các công sở, nơi đóng quân của thực dân Pháp trong tỉnh lỵ Biên Hòa. Đòn tiến công bất ngờ này gây tiếng vang lớn ở Nam bộ. Cuộc kháng chiến nơi chiến khu Đ đã làm nên những nhân vật sống mãi với lịch sử: Huỳnh Văn Nghệ, nhà thơ - chiến sĩ; Nguyễn

Văn Quỳ - người giữ rừng miền Đông suốt 9 năm kháng chiến chống Pháp và suốt cuộc chiến tranh chống Mỹ đến năm 1968.

Trong kháng chiến 9 năm, Biên Hòa ở phía đông Sài Gòn, là nơi đóng các cơ quan đầu não của địch ở miền Đông, Chiến khu Đ tồn tại là mối đe dọa lớn cho thực dân Pháp ở Biên Hòa và Sài Gòn. Kẻ thù khiếp sợ Chiến khu Đ chính là vì thế trận "thiên la địa võng"của căn cứ. Làng kháng chiến đã hình thành khắp nơi trong căn cứ với hàng trăm loại cạm bẫy: chông tre, chông đinh, lựu đạn gài, mìn gài, đạp lôi... để đánh bại bao cuộc hành quân càn quét lớn của địch vào căn cứ. Kẻ thù lấn chiếm, phong tỏa, bao vây, đánh phá chiến khu bằng bom đạn, triệt phá kinh tế, biệt kích, gián điệp... hòng tiêu diệt cơ quan đầu não, dự trữ kinh tế kháng chiến nhưng đều bị thất bại, lại hao binh tổn tướng. Trận càn tháng 2-1948 với 2.000 quân của Pháp có hải quân, pháo binh, máy bay yểm trợ đã bị thất bại ê chề. Phương tiện chiến lợi phẩm ta tịch thu của Pháp trong trận này lại góp phần tăng thêm sức mạnh để bộ đội Biên Hòa làm nên chiến thắng La Ngà.. Đặc biệt, Chiến khu Đ lại là nơi thể hiện cao tinh thần và ý chí bám trụ chiến đấu kiên cường của bộ đội Cụ Hồ.

Kết hợp với chiến dịch Điện Biên Phủ (đông xuân 1953-1954), từ Chiến khu Đ, các lực lượng vũ trang chủ lực, địa phương, du kích mở đợt tấn công địch, bao vây, bức rút các đồn bót địch ở Thường Lang, Tân Tịch, Tân Hòa, Mỹ Lộc (huyện Tân Uyên), các đồn bót ven chiến khu như: Phước Hòa, Tân Định, Đại An, Rạch Đông, vây lấn địch mở rộng Chiến khu Đ ra giáp sông Đồng Nai, đường 16 lên giáp Sông Bé.

Chiến khu Đ – Căn cứ địa huyền thoại

Tại Nhà Nai tháng 8-1954, Tỉnh ủy Thủ Biên tổ chức cuộc mít tinh lớn mừng thắng lợi cuộc kháng chiến. Các lực lượng vũ trang chia tay nhân dân để lên đường tập kết ra miền Bắc, hẹn hai năm sau gặp lại. Chiến khu Đ đã góp phần hoàn thành nhiệm vụ kháng chiến chống thực dân Pháp. Rừng chiến khu Đ còn đó để chuẩn bị vào cuộc đấu tranh mới.

*** KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC**

1. Cuộc nổi dậy phá khám Tân Hiệp:

Cuộc kháng chiến chống Mỹ giải phóng dân tộc của nhân dân ta đã kết thúc hơn hai thập kỷ qua. Trong cuộc chiến đấu này, kẻ thù Mỹ ngụy đã dùng mọi thủ đoạn dã man để đánh phá phong trào, sát hại những người con yêu nước ở miền Nam. Nhưng dù trong những hoàn cảnh đen tối nào, quân dân miền Nam vẫn giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc và thống nhất Tổ quốc, giữ vững ý chí cách mạng và giữ trọn niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng tiền phong.

Trong huyền thoại những năm tháng đánh Mỹ ấy, cuộc nổi dậy phá ngục của các chiến sĩ cộng sản và đồng bào yêu nước ở nhà tù Tân Hiệp Biên Hòa là một minh chứng hùng hồn về ý chí gang thép, hành động dũng cảm quật cường, quyết chiến đấu và hy sinh vì độc lập và tự do của Tổ quốc.

Ngay sau khi hiệp định Giơ-ne-vơ vừa được ký kết (tháng 7-1954), đế quốc Mỹ đã công khai phá hoại. Chúng thiết lập ngay bộ máy cai trị, lập chính phủ bù nhìn, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và tiền đồn chống cộng của chúng ở Đông Nam Á. Với sự chỉ đạo của quan thầy, ngụy quyền Ngô Đình Diệm liên tục mở các chiến dịch "tố cộng, diệt cộng", mở rộng hệ thống nhà tù để giam cầm, đày ải, truy bức cán bộ, đảng viên và đồng bào yêu nước ở miền Nam. Nhà tù Tân Hiệp được chúng gọi là "Trung tâm huấn chính" Biên Hòa có diện tích 3.600 mét vuông nằm cạnh Quốc lộ I (đối diện với Bệnh viện Tâm thần Biên Hòa, thuộc phường Tân Tiến), cách trung tâm thành phố Biên Hòa khoảng 2 km về phía đông. Đây là một trong 6 nhà tù lớn của địch ở miền Nam lúc bấy giờ. Đến thời điểm tháng 12-1956, số lượng tù nhân bị địch giam giữ ở đây là 1.872 người trong đó có nhiều nhân sĩ trí thức yêu nước nổi tiếng như: Kỹ sư Lê Văn Thả; nhà văn, nhà báo Dương Tử Giang, Trần Ngọc Sơn, Lý Văn Sâm,

Đến tháng 11-1956, kế hoạch nổi dậy phá khám Tân Hiệp cơ bản đã hình thành. Đảng ủy nhà tù do đồng chí Nguyễn Duy Đán (Nguyễn Trọng Tâm,

nay là Anh hùng lực lượng vũ trang) làm Bí thư, hạ quyết tâm thực hiện kế hoạch đã đề ra. Công tác tiến hành được chuẩn bị tuyệt đối bí mật, chặt chẽ và chu đáo. Đội xung kích gồm những đồng chí khoẻ mạnh, có kinh nghiệm chiến đấu do đồng chí Nguyễn Văn Cội, nguyên là Huyện đội phó huyện Củ Chi làm đội trưởng; Lê Minh Toàn chính trị viên. Tổ liên lạc dẫn đường có 6 người do đồng chí Ngô Văn Quảng, nguyên Bí thư huyện ủy Vĩnh Cửu làm tổ trưởng. Đồng chí Nguyễn Văn Chuộng được Đảng ủy cử làm trưởng đoàn vượt ngục trở về căn cứ. Giờ G nổi dậy phá khám được Đảng ủy quyết định vào chiều ngày chủ nhật 2-12-1956.

17 giờ 40 phút, tất cả các đồng chí trong lực lượng xung kích đều đã ở trong tư thế sẵn sàng. Các tổ áp sát các mục tiêu đã được phân công. Mọi hoạt động của lực lượng chủ công đến giờ phút này vẫn giữ được bí mật hoàn toàn.

Trời vào mùa đông, thời tiết se lạnh. Mới 17 giờ 45 phút mà trời đã nhá nhem tối. Một số đồng chí trong các tổ xung kích mình trần, mặc quần đùi đi lại bên ngoài sân trại. Số các tù nhân ở các trại D, E, G là những anh em đã được phổ biến trước đều đứng hoặc ngồi trước cửa, thấp thỏm chờ giờ hành động.

17 giờ 50 phút, khi tên lính trực vừa đánh kẻng báo cho tù nhân vô trại, thì tiếng hô "xung phong" vang dậy khắp nơi. Các mũi xung kích nhanh chóng tiến thẳng đến các mục tiêu đã được phân công. Tổ xung kích do các đồng chí Lê Toàn Thư, Nguyễn Văn Cội trực tiếp chỉ huy đã xông thẳng vào kho vũ khí, bắt trói tên trưởng trạm gác, thu toàn bộ vũ khí trong kho. Cùng lúc, một tổ khác xông vào nhà tên Tính, giám đốc trại giam, khống chế hắn và số lính lái xe, bảo vệ, sau đó tiến vào văn phòng trại giam bắt trói tên thượng sĩ chỉ huy lính bảo an, cắt đứt đường dây điện thoại.

Cuộc nổi dậy phá khám diễn ra trong vòng 40 phút. Đến 18 giờ 30 phút, toàn bộ số tù nhân còn lại đều bị gom vào lại các trại. Do điện thoại ở nhà tù bị cắt đứt ngay phút đầu, tên phó giám đốc trại giam phải luồn lách hốt hoảng chạy bộ đến Bộ Tư lệnh sư đoàn dã chiến số 4 (cách đó khoảng 1 km) để cấp báo và xin cứu viện. Vì vậy một giờ sau cuộc nổi dậy, địch mới báo động được các nơi trong thị xã. 19 giờ, bọn lính Sư đoàn 4 dã chiến mới tới được trại giam cùng với bọn bảo an, hiến binh lo ổn định tình hình và nhận lệnh truy đuổi.

Cuộc nổi dậy phá khám Tân Hiệp ngày 2-12-1956 là một nét son chói lọi, là sự tiếp nối truyền thống đấu tranh kiên cường của Đảng và của nhân dân ta. Dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy bí mật nhà tù, gần 500 đảng viên cộng sản và đồng bào yêu nước bị kẻ thù giam giữ ở đây đã lập nên kỳ tích anh hùng: Với tay không, tự nổi dậy phá khám, cướp súng địch để trở về với Đảng, với dân.

Cuộc nổi dậy phá khám Tân Hiệp mãi mãi là niềm tự hào của những thế hệ chiến sĩ cách mạng đã qua và các thế hệ trẻ của Biên Hòa - Đồng Nai hôm nay và mai sau, đã và đang nối tiếp cha anh viết tiếp trang sử hào hùng của quê hương "Miền Đông gian lao mà anh dũng" trong đấu tranh và xây dựng.

2. Trận đầu diệt Mỹ.

Ít có đất nước nào mà lịch sử dân tộc lại gắn liền với lịch sử anh dũng chống ngoại xâm như đất nước Việt Nam. Ở đây, mỗi tên đất, tên làng đều trở thành những địa danh gắn liền với nhiều chiến công chói lọi. Từ buổi các vua Hùng dựng nước cho đến khi cuộc kháng chiến chống Mỹ thắng lợi, dân tộc Việt Nam đã viết nên bao trang sử hào hùng. Thế kỷ XX khép lại bằng cuộc chiến thắng oanh liệt của dân tộc Việt Nam, một cuộc chiến đấu và chiến thắng kỳ diệu, góp phần đập tan chủ nghĩa thực dân kiểu mới của đế quốc Mỹ. Trong cuộc chiến đấu đó, trên mảnh đất Biên Hòa - Đồng Nai cũng đã làm nên nhiều chiến công xuất sắc, mà trận mở màn thắng Mỹ là trận đánh vào phái đoàn cố vấn quân sự Mỹ (MAAG) tại văn phòng ở nhà máy cưa BIF ngày 07-07-1959.

Bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, ngày 1-7-1958 dưới sức ép của chính quyền Ngô Đình Diệm, chủ nhà máy phải bán cơ sở này cho Trần Lệ Xuân lập ra "công quản khai thác nhà máy cưa BIF". Sau đó văn phòng nhà máy trở thành cư xá của chuyên gia cố vấn quân sự Mỹ trong phái đoàn MAAG

(Mission Army American Group), làm nhiệm vụ cố vấn, huấn luyện cho Sư đoàn 7 ở Biên Hòa.

Đánh Mỹ, diệt cố vấn Mỹ, ý định táo bạo đó bắt đầu hình thành trong suy nghĩ của một số cán bộ lãnh đạo Liên Tỉnh ủy miền Đông từ những tháng đầu năm 1959.

Tháng 2-1959, đồng chí Nguyễn Văn Hoa (Năm Hoa) đại đội phó C250, nguyên là Thị ủy viên thị xã Biên Hòa cùng một số chiến sĩ trong đơn vị được Liên Tỉnh ủy miền Đông cử vào thị xã Biên Hòa để nắm tình hình đoàn cố vấn quân sự Mỹ. Sau khi bắt liên lạc và trao đổi nhiệm vụ với đồng chí Trương Văn Lễ, Bí thư Thị ủy Biên Hòa, các đồng chí thống nhất chọn mục tiêu tiến công là đoàn cố vấn Mỹ ở BIF.

Cuối tháng 6-1959, Liên Tỉnh ủy và Ban Quân sự miền Đông thông qua phương án trận tập kích vào cư xá bọn cố vấn quân sự Mỹ ở Biên Hòa. Thời gian được ấn định vào 19 giờ ngày 7-7-1959.

Chiều tối ngày 5-7-1959, từ căn cứ Chiến khu Đ, phân đội đặc công gồm 6 đồng chí Hưng, Huề, Bé, Phú, Sắc do Nguyễn Văn Hoa chỉ huy nhận lệnh xuất phát. Ngay đêm hôm đó, đơn vị đã về đến gò Cây Trâm Muối, rừng Tân Phong - khu căn cứ của Thị ủy Biên Hòa.

Ngày 6-7-1959, đồng chí Bí thư Thị ủy vào căn cứ gặp mặt toàn đội, trao đổi thêm tình hình và kế hoạch tác chiến. Vũ khí phân đội mang theo ngoài mỗi người một khẩu tiểu liên còn có một quả mìn kích nổ bằng điện nặng hơn 3 kg. Quả mìn được giao cho đồng chí Huề và đồng chí Sắc sử dụng đánh địch trong mũi chủ công. Đêm 6-7, phân đội bí mật hành quân về một vạt rừng chồi ở Gò Me, ém quân phía sau nhà má Nguyễn Thị Xuân (Ba Xuân), một cơ sở cốt cán của Thị ủy Biên Hòa.

18 giờ ngày 7-7-1959, đồng chí Hưng và anh Năm Lũy (con trai má Xuân) được lệnh ra quan sát mục tiêu lần cuối. Trong lúc đó, các đội viên tự vệ mật do đồng chí Bí thư Thị ủy chỉ huy cũng bắt đầu triển khai lực lượng phối hợp chiến đấu.

Khoảng 19 giờ, trời nhá nhem tối, phân đội hóa trang như một toán lính đi tuần từ Gò Me dọc theo bờ ruộng tiến thẳng vào khu cư xá. Các ám hiệu, tín hiệu của cơ sở cho thấy bí mật vẫn đảm bảo.

Trận đánh diễn ra chưa đầy 15 phút. Tất cả các đơn vị địch đều không kịp phản ứng, kể cả bọn lính bảo vệ nằm sát cư xá. Theo phương án định sẵn, các chiến sĩ đặc công vượt lỗ hổng hàng rào, qua sân banh, băng lộ 15 hướng suối Sơn Máu rút về chiến khu an toàn. Các chiến sĩ tự vệ nhanh chóng cất giấu vũ khí, thay đổi trang phục, trở lại cuộc sống bình thường của người dân phố thị.

Thế là sau mấy tháng âm thầm chuẩn bị với bao công sức của cán bộ, chiến sĩ và nhân dân miền Đông, trực tiếp là phân đội đặc công C250 và Đảng bộ nhân dân thị xã Biên Hòa, trận tập kích vào trụ sở phái đoàn quân sự Mỹ ở BIF (nhân dân thường gọi là Nhà Xanh) đã giành được thắng lợi. Trận đánh ở "Nhà Xanh" đêm 7 rạng 8-7-1959 là trận đánh Mỹ đầu tiên của lực lượng vũ trang miền Đông trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Ngày nay, tại thủ đô nước Mỹ Oa-sinh-tơn (Washington) trên bức tường đá ghi tên những quân nhân Mỹ chết trận tại Việt Nam theo thứ tự thời gian thì Dale. R. Buis và Chester. M. Ovmand là hai lính Mỹ đầu tiên trong danh sách.

3. Trận đánh đầu tiên vào sân bay Biên Hòa.

Sân bay Biên Hòa là một căn cứ quân sự do thực dân Pháp xây dựng trước năm 1945. Ban đầu chỉ là một sân bay dân dụng của Pháp. Đến năm 1943 phát xít Nhật xây dựng thành sân bay quân sự, đồng thời là xưởng sửa chữa máy bay thuộc xã Tân Phong. Năm 1958, Mỹ bắt đầu mở rộng xây dựng thành một sân bay quân sự lớn ở miền Nam. Đến năm 1964, thành sân bay quân sự thuộc loại tối tân nhất ở Đông Nam Á bấy giờ.

Sân bay có 5 khu chứa máy bay các loại, có lúc lên đến 460 chiếc. Đây là căn cứ xuất phát của các loại máy bay Mỹ đi đánh phá khắp miền Nam, miền Bắc, Lào và Campuchia. Đồng thời là căn cứ huấn luyện giặc lái cho không quân Sài Gòn. Ở đây, thường xuyên có 2.000 nhân viên kỹ thuật, lính thợ. Từ 1966 trở đi, sân bay là căn cứ của Sư đoàn 23 không quân Sài Gòn.

Từ tháng 4-1964, Bộ Tư lệnh Miền đã có chủ trương mở trận tập kích vào sân bay Biên Hòa để tạo điều kiện mở một chiến dịch vào cuối năm. Tổ điều nghiên của đoàn pháo binh Miền do Huỳnh Thành Đồng chỉ huy lên đường làm nhiệm vụ từ tháng 4. Biệt động thị xã Biên Hòa đã hỗ trợ rất tích cực để đội trinh sát hoàn thành nhiệm vụ.

Tháng 9-1964, đồng chí Lương Văn Nho, Đoàn trưởng pháo binh U80 Miền và bộ phận trinh sát về Chiến khu Đ trực tiếp làm việc cùng Tỉnh ủy, Tỉnh đội Phước Thành chuẩn bị cho trận đánh. Trên đường hành quân, lực lượng phải mang vác vũ khí nặng qua nhiều ruộng lầy, rừng chồi, vượt qua nhiều đồn bót, ấp chiến lược, trong đó có khoảng gần 10 km địa hình trống trải ở ngoại vi sân bay Biên Hòa. Nhân dân Chiến khu Đ đã cho mượn ghe xuồng để lực lượng bí mật vượt sông.

Đêm 31-10-1964, 7 khẩu đội cối 81 ly, 2 khẩu đội ĐKZ 75 ly, 2 khẩu pháo bộ binh 70 ly với 176 quả đạn đã bí mật chiếm lĩnh, xây dựng trận địa.

23 giờ 20 phút ngày 31-10-1964, các loạt pháo nổ đồng loạt vào các mục tiêu trong sân bay Biên Hòa. Các đồng chí Tô Thái, Tiêu Ngọc Tiên cán bộ chỉ huy trực tiếp đứng trên một chạc cây cao để quan sát và hiệu chỉnh cho pháo bắn.

Sân bay Biên Hòa bị bao trùm bởi tiếng nổ và khói lửa. Tiếng nổ làm chấn động cả thị xã Biên Hòa và thành phố Sài Gòn. Khi máy bay địch từ Tân Sơn Nhất lên bắn chi viện xuống các đường băng, các chiến sĩ pháo binh đã rút về Chiến khu Đ an toàn.

Kết quả ta bắn cháy, làm hư hại nặng 59 máy bay các loại, trong đó có 21 máy bay ném bom chiến lược B57 Mỹ vừa đưa sang, 11 phóng pháo cơ Xca-raiđơ, một máy bay do thám U2, 3 máy bay lên thẳng, 1 kho đạn pháo 105 ly, 1 dài quan sát sân bay... Nhiều sĩ quan kỹ thuật, binh lính bị chết.

Taylor, đại sứ Mỹ ở miền Nam khi đến sân bay sáng ngày 1-11-1964, trước cảnh hoang tàn đổ nát khủng khiếp đã phải than vãn: "Rõ ràng Việt cộng đã làm một việc mà trước đây họ chưa hề làm, tôi không thích những chuyện như thế". Các báo chí phương Tây đều đưa tin về trận đánh với nội dung: Nếu Việt cộng đã đánh được sân bay Biên Hòa, thì họ có thể đánh bất cứ đâu khi họ muốn.

Trên báo Nhân Dân số ra ngày 12-11-1964, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có bài bình luận, kết thúc bằng 4 câu thơ:

"Uy danh lừng lẫy khắp năm châu

Đạn cối tuôn cho Mỹ bể đầu

Thành đồng trống thắng lay Nhà Trắng

Điện Biên, Mỹ chẳng phải chờ lâu"

Chiến thắng sân bay Biên Hòa lần này có ý nghĩa quan trọng, góp phần đánh bại chiến lược chiến tranh đặc biệt của đế quốc Mỹ, cũng là trận mở đầu cho hàng loạt trận tiến công vào sân bay chiến lược Biên Hòa sau này của các lực lượng vũ trang quân giải phóng miền Nam. Từ năm 1965 đến khi kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, các lực lượng vũ trang quân giải phóng ở Biên Hòa đã liên tục tiến công sân bay với mức độ hỏa lực mạnh hơn, tiêu diệt nhiều sinh lực, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh của Mỹ và ngụy quyền, hỗ trợ đắc lực cho chiến trường toàn miền Nam giành thắng lợi hoàn toàn.

4. Đặc công đánh căn cứ, kho tàng Mỹ ngụy ở Biên Hòa.

+ Đánh kho Long Bình.

Từ năm 1965, đế quốc Mỹ đã tiến hành san ủi rừng lập Tổng kho Long Bình để đảm bảo hậu cần cho lực lượng quân viễn chinh Mỹ ở miền Nam. Long Bình là kho hậu cần vào loại lớn nhất của Mỹ ở miền Nam, cung ứng bom đạn và các thiết bị chiến tranh cho quân đội Mỹ ở miền Nam.

Long Khánh, những tháng ngày lịch sử

Bao quanh khu kho Long Bình có từ 7 đến 9 lớp rào kẽm gai các loại, có hướng đến 10 - 12 lớp, có gài mìn, lựu đạn. Từng khu một trong kho đều có hàng rào ngăn cách. Bên trong khu kho có nhiều đường để cơ giới tuần tra.

Ngoài lực lượng bảo vệ tại chỗ, về phía đông nam Long Bình có căn cứ Nước Trong, đông bắc có cứ điểm Long Lạc và nhiều đồn bót xung quanh thuộc Quân đoàn 3, sân bay Biên Hòa, Tân Sơn Nhất... sẵn sàng chi viện khi kho bị tấn công.

Từ cuối năm 1965, đặc công U1 (Biên Hòa) đã tiến hành nghiên cứu Tổng kho Long Bình. Nhiều lần đột nhập vào bên trong kho để trinh sát, lên sơ đồ, đặc biệt là kho đồi 53 và đồi 50. Bom đạn chất thành từng dãy, cách nhau một con đường hẹp, chỉ cần nổ một kho sẽ gây chấn động làm nổ lan ra các kho khác trong khu vực.

Ngày 22-6-1966, sáu đặc công gồm: Nguyễn Tấn Vàng (Ba Vàng) mũi trưởng, Nguyễn Văn Thái (Tư Già) mũi phó, Bùi Văn Hòa, Trịnh Văn Thoàn, Phạm Văn Hòa, Nguyễn Văn Rô vào được mục tiêu, chia làm 3 tổ do Nguyễn Văn Vàng, Nguyễn Văn Thái, Bùi Văn Hòa làm tổ trưởng. Ba tổ bí mật vượt qua các lớp rào, lọt vào khu kho đồi 53. Theo kế hoạch, cứ cách 1 hoặc 2 kho các anh đặt một quả mìn.

Đêm 22-6, khi các chiến sĩ đã đặt trái xong, rút khỏi mục tiêu, khu kho đồi 53 bắt đầu nổ tung. Tiếng nổ làm chấn động cả Biên Hòa và Sài Gòn. Lửa khói từ trong kho Long Bình cuộn lên thành hình cây nấm khổng lồ. Tiếng nổ liên tục đến ngày hôm sau. Bốn mươi ngàn quả đạn đại bác ở khu kho đồi 53 bị phá hủy.

Báo chí của địch ở Sài Gòn đã đưa tin Tổng kho Long Bình bị Việt cộng tấn công. Sáng 23-6, tên tướng Tư lệnh hậu cần Mỹ lên hiện trường đã chứng kiến cảnh đổ nát hoang tàn của khu kho 53. Khi được hỏi có biết Việt cộng tấn công kho không, hắn trả lời: "Nếu tôi biết Việt cộng đánh kho, tôi đã là họ rồi".

Đây là trận tiến công đầu tiên vào Tổng kho Long Bình của Mỹ, phá hủy và gây thiệt hại nặng cho địch, ta giành thắng lợi lớn, mở đầu cho hàng loạt trận tiến công sau này của đặc công Biên Hòa.

Nét nổi bật của đặc công Biên Hòa là sẵn sàng chiến đấu phối hợp kịp thời, nhịp nhàng cùng chiến trường miền Nam theo chỉ đạo của Bộ chỉ huy Miền. Trong 3 tháng 10, 11, 12-1966, để hỗ trợ toàn miền đánh bại cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ 2 của Mỹ, đặc công U1 đã ba lần tấn công kho Long Bình, phá hủy 353.000 quả đạn pháo 105, 155, 175 ly.

Tháng 2-1967, khi đế quốc Mỹ chuẩn bị mở trận càn Gian-xơn-xi-ty (Junction City) vào căn cứ bắc Tây Ninh, các lực lượng đặc công, biệt động Biên Hòa đã liên tục tấn công vào hai mục tiêu sân bay Biên Hòa và kho Long Bình.

Cùng lúc đội 1 đặc công tấn công sân bay Biên Hòa, đêm 3-2-1967, đội 2 đặc công U1 đánh vào khu kho đồi 53 với 4 quả mìn hẹn giờ. 2 giờ 45 phút ngày 4- 2, khu kho đồi 53 lại bị nổ tung, tiếng nổ kéo dài suốt 30 giờ đồng hồ. Ta phá hủy 40 dãy kho với 800.000 quả dạn đại bác của Mỹ.

Địch chưa hết bàng hoàng trước các trận đánh của đặc công thì đầu tháng 3-1967, biệt động thị xã Biên Hòa do hai chiến sĩ Sáu Châu, Sáu An chỉ huy đã đánh vào kho xăng dầu Biên Hòa nằm cách cầu Gành 200 mét, dùng mìn hẹn giờ làm nổ tung 2 bồn chứa xăng dầu và 200 phuy xăng, thiêu hủy hàng triệu lít xăng dầu

Đợt đánh của đặc công, biệt động Biên Hòa cuối năm 1966, đầu năm 1967 đã thực sự đánh thủng "dạ dày" của Mỹ, phá hủy một khối lượng lớn phương tiện chiến tranh của chúng, hỗ trợ đắc lực cho chiến trường toàn miền. Thắng lợi lớn của đặc công Biên Hòa chào mừng một sự kiện lớn: "Binh chủng Đặc công Quân đội nhân dân Việt Nam chính thức thành lập ngày 19-3-1967"

Trong cuộc tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968, Tiểu đoàn 2 đặc công Biên Hòa đánh vào khu kho đồi 53, phá hủy 127 dãy kho bom đạn. Đặc công Biên Hòa (tiểu đoàn l) cùng Sư đoàn 5 (chủ lực Miền), Trung đoàn DKB pháo binh Miền tiến công vào sân bay quân sự Biên Hòa, phá hủy 120 máy bay các loại. Chiến dịch xuân Kỷ Dậu 1969, đại đội 9 Tiểu đoàn 2 đặc công Biên Hòa đánh khu kho đồi 50, 53, bom pháo bị phá hủy, nổ liên tục trong 7 ngày đêm.

Mùa xuân 1972, chiến dịch toàn miền, chiến dịch Nguyễn Huệ nổ ra ở miền Đông Nam bộ. Tiểu đoàn 1 và 2 đặc công Biên Hòa được Bộ chỉ huy Miền quyết định điều động làm nòng cốt để xây dựng đoàn đặc công 113.

Trên cơ sở điều nghiên trước đó của đặc công Biên Hòa, ngày 12-8-1972, tiểu đoàn 9 đặc công Đoàn 113 gồm 57 chiến sĩ chia làm 3 mũi đột nhập vào khu kho đồi 53. Thuận lợi là trong đêm đó, địch mở cửa kho để xả hơi, do đó đặc công ta vào được trong kho đặt mìn vào các dãy kho. Từ 1 giờ 40

phút đến 4 giờ 30 phút ngày 13-8-1972, khu kho đồi 53 bị nổ tung, phá hủy 5.430 tấn bom đạn, 200 tấn thuốc nổ và một số kho tàng, nhiên liệu khác, phá hủy 17 gian nhà lính, 300 lính Mỹ ngụy đền tội.

Các đơn vị tham gia trận đánh đã được tặng thưởng 1 Huân chương Quân công giải phóng hạng 3, 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng 2, 16 Huân chương Chiến công giải phóng cho các chiến sĩ.

+ Tấn công kho Thành Tuy Hạ và đánh tàu trên sông Lòng Tàu.

Thành Tuy Hạ là kho dự trữ bom đạn lớn của Mỹ ở miền Nam, có tính chất trung chuyển đi các nơi. Kho đạn Thành Tuy Hạ do Pháp xây dựng, được Mỹ sửa chữa, nâng cấp và mở rộng.

Lực lượng địch bảo vệ kho có một tiểu đoàn bộ binh, một tiểu đoàn quân cụ, một trung đội cảnh sát và khoảng 100 chó béc giê, một số xe jép có gắn đại liên để cơ động tuần tiễu quanh kho. Kho còn được yểm trợ của lực lượng giang thuyền (18 chiếc) từ Nhà Bè, Cát Lái đến kho Long Bình.

Từ năm 1965, sông Lòng Tàu trở thành đường vận chuyển chiến lược của Mỹ để đưa thiết bị chiến tranh vào miền Nam. Hàng ngày có đến 30 tàu vận tải quân sự 6.000 đến 13.000 tấn ra vào sông Lòng Tàu.

Tháng 6-1966, đặc khu Rừng Sác được thành lập, sau này gọi là Đoàn 10 đặc công Rừng Sác. Đặc khu là một khu vực quân sự đặc biệt rộng 60.000 hecta.

Đêm 11-11, lực lượng đặc công do Nguyễn Hữu Hòa chỉ huy đã vượt qua các lớp rào kẽm gai với nhiều bãi mìn, lựu đạn. Mười sáu khối thuốc nổ hẹn giờ được gắn vào các kho bom, chất nổ. Kho bom Thành Tuy Hạ nổ tung, gây thành đám cháy lớn. Hơn 10.000 tấn bom đạn, 33 nhà kho bị hủy diệt.

Sau trận tháng 11, địch tăng cường phòng thủ kho càng nghiêm ngặt hơn, lập thêm nhiều hàng rào thiếc cao 2,5 mét, chôn sâu xuống đất 3 tấc quanh chu vi kho, không thể cắt được. Địch tăng cường phục kích giữa hai lớp rào, cách 15 mét lại có đèn cao áp soi sáng.

16 giờ ngày 10-12, chiến sĩ đặc công Đoàn 10 do đội trưởng Quyết chỉ huy lên đường từ khu lòng chảo (Nhơn Trạch) đến bàn đạp thị trấn. 23 giờ ngày 11-12, đội đặc công với 24 khối chất nổ C4 hẹn giờ và dụng cụ chiến đấu thả

người theo dòng nước. Cả tổ đến khu kho vào lúc 3 giờ ngày 12-12 và ém lại trong kho. 19 giờ, đội trưởng Quyết vận động về phía nam 500 mét đã tìm thấy kho bom. Anh quay trở lại đưa cả tổ vào khu vực đánh.

Các chiến sĩ đặt khối thuốc nổ theo cách nổ lan truyền từ trong ra với các dãy 1,3,5,7,9. 2 giờ 55 phút ngày 13-12- 1972, kho bom Thành Tuy Hạ lại nổ tung.

Đặc công ra đời ở Biên Hòa thời kỳ chín năm đã phát huy tác dụng chiến đấu lấy ít đánh nhiều, thắng to, ta ít thương vong. Trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, đặc công Biên Hòa tiếp tục phát huy đánh sân bay Biên Hòa, kho liên hợp Long Bình, Thành Tuy Hạ, làm thiệt hại tiềm lực chiến tranh của địch ở miền Nam, hạn chế khả năng chi viện hỏa lực của chúng, tạo điều kiện cho các chiến trường bạn đánh thắng địch. Những chiến thắng ở sân bay Biên Hòa, Tổng kho Long Bình, Thành Tuy Hạ mãi mãi ghi truyền sử sách.

5. Tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968.

Trong cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, cuộc tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968 là một sự kiện quan trọng có ý nghĩa chiến lược, làm phá sản chiến lược "chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mỹ, buộc chúng phải ngồi vào bàn hội nghị tại Pa-ri và từng bước rút quân viễn chinh Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam.

Tháng 10-1967, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã có Nghị quyết mở cuộc tổng tiến công và nổi dậy, tiến công vào toàn bộ các đô thị của địch ở miền Nam Việt Nam. Nghị quyết của Bộ Chính trị đã được Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ 14 thông qua vào tháng 1-1968.

Chuẩn bị cho cuộc tiến công, chiến trường Đồng Nai có sự điều chỉnh lại gồm các đơn vị chiến trường như sau:

- Tỉnh U1 (thị xã Biên Hòa, huyện Vĩnh Cửu, huyện Trảng Bom)

- Hai huyện Long Thành, Nhơn Trạch và Sở cao su Bình Sơn thuộc về Phân khu 4.

- Huyện Long Khánh, Định Quán thuộc tỉnh Bà Rịa-Long Khánh. Cùng với quân dân toàn miền Nam, trong cuộc tiến công và nổi dậy xuân 1968,

quân và dân Đồng Nai đã tiến công đồng loạt vào các thị xã, thị trấn làm chủ được địa bàn. Tuy nhiên, thắng lợi và ác liệt nhất là ở thành phố Biên Hòa.

Thị xã Biên Hòa, một trọng điểm của chiến trường miền Đông, các mục tiêu tiến công quan trọng là: sân bay Biên Hòa, Tổng kho Long Bình, Bộ Tư lệnh 2 dã chiến Mỹ (trong khu vực Long Bình), Quân đoàn 3 ngụy, Nha cảnh sát miền Đông...

Đồng chí Lê Đức Anh, Tư lệnh phó - Tham mưu trưởng Bộ chỉ huy Miền đã trực tiếp về căn cứ Tỉnh ủy ở Bàu Sao (Trảng Bom) để triển khai Nghị quyết Trung ương cục, Bộ chỉ huy Miền, giao nhiệm vụ cho Tỉnh ủy Biên Hòa (U1) và Bộ Tư lệnh sư 5.

Đồng chí Lê Đức Anh chỉ định Bộ chỉ huy mặt trận Biên Hòa gồm có: Tư lệnh: đồng chí Trần Minh Tâm, Sư trưởng Sư đoàn 5 Miền; Phó tư lệnh: đồng chí Trần Công An, Tỉnh đội trưởng U1; Chính ủy mặt trận: đồng chí Sáu An; Chính ủy Sư đoàn 5 Miền: đồng chí Dũng; đồng chí Phan Văn Trang là Phó chính ủy mặt trận.

Bố trí lực lượng tại mặt trận thị xã Biên Hòa gồm Sư đoàn 5 chủ lực Miền; lực lượng phối hợp thuộc Trung đoàn 4, Trung đoàn DKB và tiểu đoàn 1 và 2 đặc công 1, đội biệt động thị xã; bộ đội địa phương và du kích các huyện Vĩnh Cửu, Trảng Bom.

2 giờ sáng ngày 31-1-1968 (đêm 30 tết Mậu Thân), trận địa pháo Trung đoàn DKB tại Hiếu Liêm đúng giờ G ngày N đã bắn cấp tập vào sân bay Biên Hòa, làm hiệu lệnh cho cuộc tiến công và nổi dậy ở Biên Hòa. Ngay phút đầu, đoàn pháo 724 đã bắn trên 120 viên đạn pháo tên lửa trúng khu nhân viên kỹ thuật, Sở chỉ huy sân bay, kho xăng, kho đạn trong sân bay Biên Hòa. Những cột khói lớn bốc lên từ sân bay xen lẫn với tiếng nổ, ánh chớp của lửa đạn.

. Sáng mùng 3 Tết (2-2-1968), Bộ chỉ huy Mặt trận cho các lực lượng rút khỏi thị xã để củng cố đội hình tiếp tục đánh địch phản kích và chuyển hướng đánh địch ở khu vực Định Quán (đường 20).

Xuân Mậu Thân 1968, lần đầu tiên lực lượng quân giải phóng đã xuất hiện và tiến công địch tại thị xã Biên Hòa và các thị trấn, huyện lỵ trong tỉnh. Cuộc tiến công đồng loạt cho thấy tinh thần dũng cảm của quân giải phóng. Nhiều tấm gương chiến đấu dũng cảm của bộ đội được nhân dân khâm

phục. Tấm lòng của nhân dân thị xã Biên Hòa thể hiện rõ trong việc tiếp tế lương thực, che giấu chiến sĩ, chỉ đường cho bộ đội về căn cứ. Cuộc tiến công và nổi dậy của quân dân ta ở Biên Hòa đã cùng với toàn miền Nam giáng một đòn nặng nề vào kẻ thù, đè bẹp ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, buộc chúng phải xuống thang chiến tranh.

6. Chiến dịch Xuân Lộc đập tan cánh cửa thép của Mỹ ngụy.

Trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, Xuân Lộc - Long Khánh luôn luôn là một trong những trọng điểm "bình định" của Mỹ ngụy ở miền Đông Nam bộ. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, trực tiếp là Đảng bộ địa phương, quân dân Xuân Lộc - Long Khánh đã lập nên những chiến công xuất sắc, đặc biệt trong trận quyết chiến chiến lược mùa xuân 1975, đập tan cánh cửa thép của Mỹ ngụy ở phía đông bắc Sài Gòn, góp phần to lớn trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Cuối tháng 3-1975, trước sức mạnh tiến công và nổi dậy của quân và dân ta trên khắp chiến trường miền Nam, Quân đoàn I và II của ngụy bị đập tan, các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên được giải phóng, chế độ tay sai ở Sài Gòn đang đứng trước nguy cơ sụp đổ. Để cứu vãn tình hình, ngày 28-3-1975, trung tướng Mỹ Uâyen, đại sứ Mỹ Mác-tin cùng phái đoàn quân sự cao cấp của Nhà Trắng đến Sài Gòn bàn định việc cứu nguy cho chế độ ngụy ở Sài Gòn.

Đến cuối tháng 3-1975, bằng lực lượng tại chỗ, thị xã Long Khánh đã giải phóng 4 ấp phía bắc thị xã: Bảo Vinh A, Bảo Vinh B, Suối Chồn, Bình Lộc. Trong lúc đó, bộ đội tỉnh, huyện tiến công giải phóng Suối Cát, ngã ba Ông Đồn đến Trà Tân 2 (lộ 3), đồn điền cao su Ông Quế, bức rút đồn Nam Hà, Mai Thọ Bích, tua Mã Trắng, bộ đội khu giải phóng Định Quán, làm chủ lộ 20.

Từ ngày 4-4-1975, đội biệt động và trinh sát vũ trang thị xã Long Khánh đã bí mật dẫn đường cho trinh sát Sư đoàn 1, Sư đoàn 7 (Quân đoàn 4) vượt qua các hàng rào, tua, chốt gác của địch vào thị xã điều nghiên, nắm tình hình và lên phương án tác chiến. Hàng ngàn lá cờ Mặt trận đã được Thị ủy Long Khánh chuyển vào cho các cơ sở bí mật bên trong. Truyền đơn binh vận được rải nhiều nơi, đánh vào tư tưởng, làm rệu rã thêm tinh thần của binh lính ngụy.

Sáng ngày 9-4-1975, chiến dịch Xuân Lộc bắt đầu. Sau các loạt pháo bắn cấp tập vào những mục tiêu trong thị xã, các cánh quân của ta nổ súng tiến công trên hai hướng đông bắc và tây bắc. Chỉ sau một giờ chiến đấu, quân ta đã chiếm được căn cứ biệt động quân, trụ sở tình báo CIA Mỹ ở nội ô thị xã.

Trên hướng tây thị xã, Sư đoàn 6 vẫn làm chủ lộ 1 từ đèo Mẹ Bồng Con đến ấp Phan Bội Châu. Hướng bắc thị xã, Tiểu đoàn 445 bộ đội địa phương tỉnh và K8 - bộ đội huyện đánh tan Liên đoàn 936 tại Bình Phú, Suối Cát, bắt sống 117 tên. Từ ngày 11 đến 13-4, các lực lượng du kích và bộ đội địa phương bao vây căn cứ Núi Thị, giải phóng các xã và các đồn điền cao su.: Hàng Gòn, Cẩm Mỹ, Suối Râm... mở rộng bàn đạp đứng chân cho các đơn vị bộ đội chủ lực.

Ngày 12-4, địch cho máy bay oanh kích dữ dội xuống các vị trí trong nội ô thị xã Long Khánh và khu vực phía bắc chi khu Tân Phong.. Ngày 15-4, Sư đoàn 6 diệt gọn Chiến đoàn 52 thuộc Sư 18 ngụy ở ngã ba Dầu Giây, giải phóng hoàn toàn lộ 20, làm chủ phía tây thị xã. Địch đưa bộ chỉ huy nhẹ Quân đoàn 3 lên Trảng Bom để chỉ huy cuộc hành quân giải tỏa, nhưng các mũi ứng cứu của địch trên quốc lộ 1 đều bi đập tan.

Liên tục trong các ngày từ 16 đến 19-4, quân ta bắn hàng ngàn quả đạn pháo vào các mục tiêu quân sự của địch trong thị xã. Đảng viên, cơ sở cốt cán và quần chúng đã vận động làm tan rã hàng trăm binh lính địch.

Trong cơn tuyệt vọng, địch càng tỏ ra điên cuồng, chúng cho máy bay trút bom đạn vào thị xã và vùng ven (trong đó có hai quả bom hơi ngạt CBU). Thế cùng, bọn đầu sỏ chỉ huy lập kế hoạch rút chạy. Ngày 18-4, Lữ đoàn dù số 1 nhận lệnh rút về phía nam chi khu Tân Phong để yểm trợ cho hướng rút chạy trên liên tỉnh lộ 2. Tướng Lê Minh Đảo, Tư lệnh Sư đoàn 18 ngụy ra lệnh "tùy nghi di tản".

22 giờ ngày 20-4-1975, hơn 220 xe quân sự của địch chen nhau rút chạy về hướng lộ 2. Quân ta tổ chức chốt chận và truy kích, bắt sống tên đại tá Tỉnh trưởng Phạm Văn Phúc và đám tùy tùng. Rạng sáng ngày 21-4-1975, tuyến phòng thủ cuối cùng của địch tại thị xã Long Khánh ở phía đông bắc Sài Gòn hoàn toàn bị phá vỡ. Chiến dịch Xuân Lộc toàn thắng. Thị xã Long Khánh hoàn toàn được giải phóng.

Ngay trong đêm 2-14, khi phòng tuyến Xuân Lộc hoàn toàn sụp đổ, Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu đã phải tuyên bố từ chức, tìm đường trốn chạy ra nước ngoài. Cùng trong thời điểm này, bên kia bờ đại dương, tổng thống Mỹ cũng công khai nhìn nhận: Cuộc chiến tranh ở Việt Nam đã kết thúc với Mỹ.

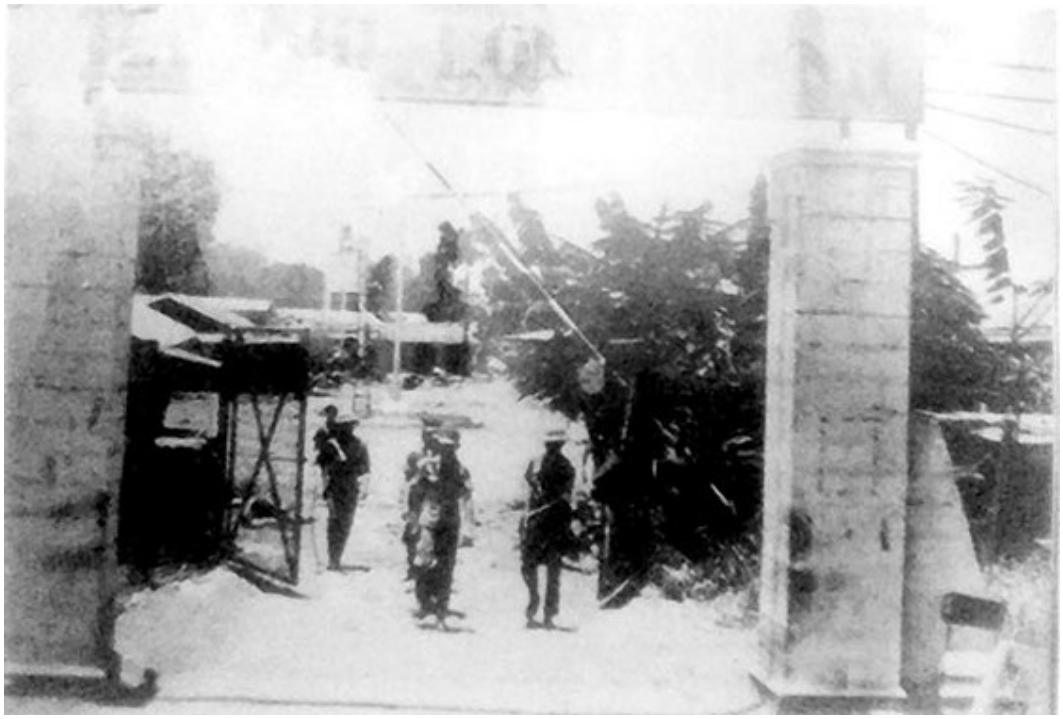

Giải phóng Xuân Lộc

Chiến dịch Xuân Lộc toàn thắng khẳng định sự sáng suốt lựa chọn điểm yếu của địch; chỉ đạo mở chiến dịch tiến công có ý nghĩa quyết định toàn cuộc của Trung ương Đảng, Trung ương Cục, Bộ Tư lệnh Miền; giúp Trung ương hạ quyết tâm mở chiến dịch mang tên Bác Hồ "chiến dịch Hồ Chí Minh" giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Đây là một điểm son chói lọi ghi đậm dấu ấn lịch sử trong cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Long Khánh, Đồng Nai, là tài sản vô giá của quê hương, là niềm tự hào của thế hệ hôm nay và mai sau.

7. Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam và tỉnh Đồng Nai.

Ngày 10-3-1975, trận đánh chiếm Buôn Ma Thuột mở đầu cho chiến dịch mùa xuân l975 trong tháng 3-1975, Tây Nguyên được hoàn toàn giải phóng. Kế tiếp sau đó là chiến dịch Đà Nẵng, Thừa Thiên Huế, ta giải phóng hoàn toàn Quân khu 1 và 2 của ngụy, giải phóng một vùng rộng lớn ở miền Trung và duyên hải miền Trung. Trong cơn hoảng loạn, địch phải thực hiện chiến thuật "tùy nghi di tản",

rút bỏ hàng loạt vị trí để xây dựng tuyến phòng thủ phía đông cố giữ cho được Sài Gòn, miền Đông và miền Tây Nam bộ, hy vọng tìm một giải pháp chính trị hòng duy trì chế độ tay sai ở Sài Gòn.

Trước thời cơ cách mạng, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã chỉ thị cho các lực lượng tiến công giải phóng miền Nam trong năm 1975.

Biên Hòa cũng là cửa ngõ của đại quân ta vào Sài Gòn. Chiến dịch Hồ Chí Minh đã triển khai trên hướng Biên Hòa với quân đoàn 2 và quân đoàn 4.

+ Quân đoàn 2 từ lộ 2 Xuân Lộc tiến về Long Thành, Nhơn Trạch để về Sài Gòn. Quân đoàn 2 đã đánh dứt điểm các cứ điểm mạnh của địch ở Suối Râm, Nước Trong, một phần kho Long Bình, chi khu Long Thành, Nhơn Trạch, giải phóng hoàn toàn hai huyện này vào ngày 7-4-1975.

+ Quân đoàn 4 từ Sở cao su Bình Lộc bắt đầu đánh địch vào ngày 25-4-1975, triển khai lực. Sư đoàn 6 ở lại cùng địa phương tiếp quản giữ sân bay Biên Hòa, kho Long Bình, Quân đoàn III vào 10 giờ sáng ngày 30-4-1975. Bộ phận Quân đoàn 4 gồm xe tăng, pháo binh, bộ binh tiến về Sài Gòn tiếp quản dinh Độc Lập và các cơ quan đầu não của ngụy quyền.

Kết hợp với lực lượng bên ngoài, lực lượng quần chúng bên trong nổi dậy cướp chính quyền tại chỗ. Thành ủy Biên Hòa đã chủ động triển khai công tác chuẩn bị từ ngày 9-4-1975, đến l5-4-1975 thì hoàn tất trong nội thành Biên Hòa. Kế hoạch dự kiến hai khả năng:

1/ Đánh dài ngày phải di tản dân sang hướng đông bắc.

2/ Đánh giải phóng ngay, tiếp quản gọn.

- May cờ lớn nhỏ; ghi âm sẵn lời kêu gọi của Ủy ban nhân dân Cách mạng lâm thời và Mặt trận Giải phóng Biên Hòa để kêu gọi nhân dân nổi dậy; ghi âm 10 điều kêu gọi binh lính địch, quay về với Tổ quốc lập công đầu.

- Giải phóng tù nhân ở nhà tù Tân Hiệp và nhà tù Biên Hòa. Tất cả mọi người đều phải hành động kết hợp theo tiếng súng của lực lượng vũ trang từ bên ngoài. Lúc bấy giờ phải phóng tay phát động không còn rụt rè do dự, phải mạnh dạn đứng lên giành chính quyền về tay mình. Các bộ phận được phân công cướp chính quyền, chiếm giữ các mục tiêu khi giải phóng

- Lực lượng biệt động, an ninh và các bộ phận đánh giải phóng 4 xã: An Hòa, Long Hưng, Phước Tân, Long Bình từ 23 đến 29-4-1975.

-Ban Công vận thành phố tiếp quản khu Kỹ nghệ Biên Hòa vào ngày 29-4-1975.

- Địch ở các cứ điểm quan trọng, các cơ quan đầu não như Quân đoàn III và tiểu khu Biên Hòa, chi khu Đức Tu rút chạy từ đêm 9-4-1975.

- Lực lượng cán bộ, đảng viên bên trong cắm cờ ở Tòa hành chánh Biên Hòa lúc 6 giờ sáng ngày 30-4-1975; sau đó là dinh Trung tướng Toàn, Tư lệnh Quân đoàn III, Nha cảnh sát miền Đông, Quân đoàn III, Ty cảnh sát Biên Hòa, Quận Đức Tu.

- Sở chỉ huy tiền phương và lực lượng vũ trang Trung đoàn 5, lực lượng chính trị chiếm Tòa hành chánh Biên Hòa vào lúc 10 giờ 30 ngày 30-4-1975.

- Sư đoàn 6 chiếm giữ sân bay, Quân đoàn III vào 10 giờ 30 cùng ngày.

- Ban An ninh T1 chiếm giữ Nha cảnh sát miền Đông, Ty cảnh sát Biên Hòa.

-Ban An ninh thành phố Biên Hòa, chiếm giữ Quận Đức Tu.

Bức ảnh chụp chiếc xe tăng 390 của Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam - chiếc xe đầu tiên húc đổ cánh cổng dinh Độc Lập trưa ngày 30.4.1975 của nữ nhà báo Pháp Francoise de Mulder.[

- Lực lượng Trung đoàn 5 triển khai chốt canh gác các ngã ba trong thành phố và giữ khu Kỹ nghệ Biên Hòa.

Ba mươi năm chiến tranh giải phóng, mùa xuân 1975 đánh dấu một bước ngoặt vĩ đại của nhân dân Biên Hòa Đồng Nai. Lần đầu tiên trong lịch sử cận hiện đại đất nước ta không còn bóng quân xâm lược. Thắng lợi to lớn mở ra một thời kỳ mới cho dân tộc và nhân dân Biên Hòa Đồng Nai: Thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Cảm nhận về truyền thống đấu tranh cách mạng của quân dân Biên Hòa -Đồng Nai

Đã qua biết bao nhiêu giai đoạn lịch sử, đã qua biết bao nhiêu những thăng trầm của dòng thời gian, phải đối chọi với biết bao kẻ thù luôn tìm cách lăm le xâm lược nước ta. Có thể rằng kẻ thù luôn mạnh hơn chúng ta, luôn đông hơn chúng ta, đó có thể là một thực dân Pháp với những vũ khí tối tân, những trang thiết bị hiện đại cùng những người lính thiện chiến hay đó có thể là một đế quốc Mỹ hùng mạnh với những cỗ xe tăng, đại pháo, thậm chí là thứ được mệnh danh là "Pháo đài bay trên không" – B52. Nhưng chúng không bao giờ có thể biến nước ta thành của chúng. Bởi lẽ, dù có ở thời đại nào Việt Nam, dân tộc ta luôn có một tinh thần yêu nước – một ngọn lửa mạnh liệt, sẽ không bao giờ có thể bị dập tắt trước vô vàn những cuộc khủng bố, những cuộc xâm lăng từ bất cứ thế lực nào.

Tinh thần yêu nước của nhân dân ta mỗi khi tổ quốc bị xâm lăng

Song song trên dải đất hình chữ S này, ở bất cứ nơi đâu có người dân sống thì ở đó luôn tồn tại lòng yêu nước nồng nàn. Không riêng ở bất kì đâu và Đồng Nai quê hương em là một vùng đất như thế. Có thể đây chỉ là một mảnh ghép giản dị nhưng nó lại không thể thiếu để tô điểm thêm vào bức tranh tuyệt vời đó.

"Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước.". Vâng lời của Bác, quân dân Biên Hòa - Đồng Nai luôn là ngọn cờ đầu trong các cuộc đấu tranh chống giặc ngoại xâm. Đó là một tinh thần quả cảm, một tình yêu nước bất diệt.

Chúng tôi – những con người chân đất, chúng tôi – những con người quanh năm chỉ gắn bó với ruộng nương, chúng tôi hiểu rõ ranh giới giữa sự sống và cái chết mong manh đến thế nào tựa như một sợi chỉ căng ra chờ đứt đoạn. Thế nhưng để sợi chỉ đó đứt ra không vô ích, để mạng sống có chỗ để bình an, chúng tôi hi sinh tất cả để bảo vệ những thứ mà chúng tôi trân quý. Đó là lý do chúng tôi chiến đấu là lý do chúng tôi tồn tại trong thời đại này. Dòng suy nghĩ chân thực mà cao thượng, đớn đau mà lại cao quý của những con người sống trên mảnh đất Đồng Nai. Mấy ai dám hi sinh cả mạng sống cho người mình yêu, thử hỏi mấy ai dám làm điều đó… Đấu tranh đồng nghĩa với đem tính mạng ra trước giàn treo, thế mà biết bao người con mảnh đất này sẵn sang tự nguyện để nối tiếp cho tinh thần đáng trân trọng của các bậc cha anh. Đặt vào hoàn cảnh chung của đất nước quân dân Đồng Nai luôn sẵn sàng làm theo những chỉ đạo của Đảng của Bộ Chỉ Huy để tiến tới ngày dành thắng lợi. Họ luôn hoàn thành những chỉ tiêu được đề ra, luôn sẵn sàng hành động khi được gọi. Thậm chí là sẵn sàng để chết mà vẫn vui vẻ với nhau như thể cuộc đời này còn dài lắm ! Một tinh thần bất khuất quả cảm nằm trong hình hài của những con người nhỏ bé. Họ là những người vô danh, họ đến với nhau từ khắp mọi nơi và thân thương họi nhau bằng hai từ đồng chí, hay những người anh em.

Mặc cho hoàn cảnh khó khăn, gian khổ, chúng ta luôn cảm nhận nơi họ một tinh thần dũng cảm, kiên cường ngay cả trong điều kiện khốn khó nhất. Tưởng chừng không gì có thể dập tắt được ý chí chiến đấu, ý chí dành độc lập tự do của họ. Nếu cả mạng sống mà họ còn dám đánh đổi thì tự hỏi trên đời này còn có cái gì có thể đe dọa được cơ chứ ! Xét cho tới cùng, con người là một sinh vật có nhận thức, và bởi vì chúng ta có nhận thức nên chúng ta khác các loài động vật khác. Chúng sẽ không cảm nhận được nỗi sợ đến tột cùng xâm chiếm lấy thể xác, dày vò tâm can đến nhường nào. Chúng ta thì khác, để vượt qua nỗi sợ hãi đòi hỏi con người phải có một tinh thần thép, một ý chí rắn rỏi, kiên cường trong bất kỳ tình trạng khó khăn nào. Nghĩ mà lại thương thương rồi sẽ yêu những con người nơi đây đến thế nào.

Giả như phải nói truyền thống này bắt nguồn từ đâu và từ bao giờ thì câu trả lời sẽ chỉ đơn giản là đã từ rất lâu rồi. Khi mà con người nhận ra thứ gì đó là quý giá hơn cả mạng sống với mình, và như Bác Hồ đã nói đó là độc lập tự do. Trải qua bao đời thì quân dân Đồng Nai luôn duy trì và phát huy truyền thống đó. Nó là một điều đáng quý và đáng tự hào. Thêm vào đó, quân dân Đồng Nai có được những chiến lược thông minh. Những cách chiến đấu đầy toan tính để tận dụng toàn bộ những điểm mạnh của bản thân, tấn công vào điểm yếu của kẻ thù làm

chúng hoảng sợ, phân tán rồi tìm cách tiêu diệt chúng. Châm mà chắc, rồi thành cuồng phong, vũ bão đánh tan kẻ thù, cách mà chúng ta luôn dùng để đối phó với những kẻ thù tàn bạo và mạnh hơn chúng ta.

Tất cả tất cả làm nên một truyền thống đấu tranh Cách mạng hào hùng, vẻ vang mà vô cùng vĩ đại, cao quý của quân dân Biên Hòa – Đồng Nai. Dẫu bao khó khăn, gian khổ, dẫu bao lần lâm vào hoàn cảnh hiểm nghèo, họ luôn là những con người kì diệu, những con người nguyện hi sinh để bảo vệ truyền thống đáng quý đó. "Chúng ta thà hi sinh tất cả chứ không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ". Lời của Bác cũng là lời chung là lời nhắc nhở cho tất cả mọi người hãy ghi nhớ. Trên đời này độc lập, tự do là thứ mà chúng ta phải gìn giữ, phải bảo vệ. Nơi chúng ta đang sống là nơi đã từng trải qua bao cuộc chiến tranh khốc liệt, biết bao con người đã ngã xuống gửi gắm mong ước vào một ngày mai tươi sáng hơn.

Để phát huy truyền thống cách mạng ấy:

- Điều đầu tiên và cũng là quan trọng nhất chính là phải giữ gìn, bảo vệ truyền thống đấu tranh cách mạng của quân dân Đồng Nai. Nhưng thử hỏi chúng ta đã biết được bao nhiêu về truyền thống ấy, chính vì thế việc học hỏi, tìm hiểu về truyền thống vẻ vang ấy là điều thiết yếu. Và học hỏi như thế nào cũng là một vần đề nan giải. Ngày nay dưới sự phát triển của khoa học và công nghệ, thì chúng ta chỉ cần một câu hỏi thì có thể có hàng vạn câu trả lời trên Internet. Điều đó thật sự rất tuyệt vời cho những ai muốn tìm hiểu về lịch sử nước nhà như chúng em. Nhưng chính vì quá nhiều nên chúng ta cần phải học hỏi một cách có chọn lọc, tìm hiểu ở những trang thật sự uy tín như : http://www.lichsuvietnam.vn/ , http://baotanglichsu.vn/,...

Dĩ nhiên tìm hiểu trên Internet thôi thì chưa đủ, bản thân chúng ta có thể tự trau dồi vốn kiến thức cho bản thân bằng cách thực nghiệm. Cụ thể như có thể đến tham quan tìm hiểu một số di tích lịch sử ở quê hượng ví dụ: Mộ cự thạch Hàng Gòn, Địa điểm chiến thắng La Ngà, Căn cứ Khu uỷ miền Đông Nam Bộ, Căn cứ Trung ương Cục miền Nam,… để có thế chứng kiến và chiêm nghiệm lại một thời hào hùng đã qua cũng như bổ sung cho chúng ta những kiến thức mới. Ngoài ra chúng ta cũng có thể đến thăm và trò chuyện với những người có công với cách mạng, những bà mẹ Việt Nam anh hùng,… và từ đó tích lũy cho bản thân những điều mới mẻ. Hơn nữa việc trau dồi kiến thức đó bằng việc tham gia các cuộc thi lịch sử ví dụ như cuộc thi này cũng là một cách đầy hiệu quả. Suy cho cùng, dù bằng cách thức hay phương tiện nào thì mục đích cuối cùng luôn là hiểu biết hơn về truyền thống quý báu của quê hương ta.

Chúng em tham gia tìm hiểu tại Chiến khu Đ

- Học là phải đi đôi với hành, cũng như vậy sau khi chúng em có được vốn kiến thức vừa và đủ thì điều chúng em cần làm tiếp theo là chia sẻ nó đến cho mọi người. Thế giới này có người cần nó hơn chúng em, chúng em cần thì họ cũng cần, để khơi dậy truyền thống còn đang ngủ say trong mỗi con người. Bác Hồ đã từng nói :

“Đoàn kết đoàn kết đại đoàn kết

Thành công thành công đại thành công”

Em cùng các bạn thắp hương tưởng nhớ anh hùng đã hy sinh vì Tổ quốc ngày 22/12

Cũng như thế càng nhiều người hiểu biết về nó thì tinh thần thần ấy sẽ ngày càng được nhân rộng và cuối cùng trở thành một phần không thể thiếu trong mỗi chúng ta.

Chúng em sẽ cần phải phối hợp với các bạn trong lớp hoặc trong trường tổ chức các buổi dã ngoại, các buổi học nhóm với mục đích là đến thăm những di tích lịch sử ở địa phương. Ví dụ như ở gần khu vực chúng em sống thì đó có thể là Căn cứ trung ương cục miền Nam chẳng hạn. Và song song với đó thì chúng em sẽ mở một câu lạc bộ về lịch sử cho những người thật sự có đam mê, hoặc những người muốn hiểu rõ thêm về lịch sử nước nhà. Chính những thành viên trong câu lạc bộ này sau đó sẽ trở thành những tình nguyện viên để có thể đem vốn kiến thức đã học giới thiệu cho gia đình, cho những người hàng xóm, cho những người bạn và chính những người đó sẽ lại là những tình nguyện viên khác và từ đó số người hiểu rõ về truyền thống của quê hương sẽ ngày một nhiều hơn. Chúng em cũng sẽ phối hợp với nhà trường để tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về lịch sử nhân dịp các ngày lễ quan trọng đó có thể là : hội thi viết thư gửi những anh hùng liệt sĩ đã hi sinh vì tổ quốc, hội thi tìm hiểu về phong trào cách mạng quê hương, hội thi vẽ tranh cổ động, tuyên truyền,…

Em cùng các bạn thắp hương tưởng nhớ anh hùng đã hy sinh vì Tổ quốc ngày 22/12

Ngoài ra chúng ta có thể lập ra các diễn đàn lịch sử trên mạng Internet để giúp giảm thiểu chi phí cũng như giảm thiểu thời gian và công sức cho những người muốn tìm hiểu về lịch sử,…

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Sách "Biên Hòa - Đồng nai 300 năm hình thành và phát triển''

- http://www.lichsuvietnam.vn/ , http://baotanglichsu.vn/,...

- http://baodongnai.com.vn/, http://dongnai.vncgarden.com,

- dost-dongnai.gov.vn.

Vĩnh Cửu, ngày tháng năm

Học sinh viết